

# SƠ LƯỢC VỀ KINH PHẠM VÕNG

Kinh Phạm Võng nằm trong Đại Chánh Tạng, tập 24, ký hiệu 1484, gọi đủ là Phạm võng kinh Lô xá na Phật thuyết Bồ tát tâm địa giới phẩm đệ thập, cũng gọi Phạm võng kinh Bồ tát tâm địa phẩm, Phạm võng giới phẩm kinh. Kinh này tương truyền do Cưu-ma-la-thập (344-413) đời Hậu Tần dịch, gồm 2 quyển, thuyết minh về cấp bậc tu hành của Bồ tát và giới tướng của 10 giới trọng và 48 giới khinh. Theo bài tựa của kinh này do Tăng Triệu viết thì nguyên bản đầy đủ gồm 61 phẩm, 112 quyển mà bản này là phẩm thứ 10 của bộ đó. Vì giáo pháp của chư Phật trùng trùng vô tận, dùng để trang nghiêm pháp thân mà không chướng ngại nhau, giống như mạng lưới của Phạm Thiên vương, do đó kinh này có tên là kinh Phạm Võng.

Nội dung của quyển Thượng, còn gọi là phẩm Pháp môn tâm địa, nói rằng: Đức Phật Thích Ca bảy giờ, ở tại cõi trời Ma-hê-thủ-la của Sắc giới, đã đưa tất cả đại chúng đến thế giới Liên hoa đài tạng để gặp đức Phật Lô xá na, nhằm hỏi con đường thành tựu hàng Bồ tát Thập địa và cũng như những hình thái để thành tựu Phật quả. Và bảy giờ, Đức Phật Lô xá na, đã nói cho đại chúng nghe pháp môn Tâm địa, tức là con đường tu tập thành Phật của Ngài, và thế giới Liên hoa đài tạng là do Ngài tu tập pháp môn tâm địa này mà tạo nên, cũng như ngàn lần trăm ức đức Thích Ca cũng đều là hóa thân từ Ngài. Đức Phật Lô xá na đã nói

cho ngàn đức Phật Thích Ca báo thân và ngàn lần trăm ức đức Phật Thích Ca ứng hóa thân về pháp môn Tâm địa, gồm có 40 pháp môn: 10 phát thú, 10 tâm trường dưỡng, 10 tâm kim cương và 10 địa.

Quyển Hạ, còn gọi là Phạm võng Bồ tát giới kinh, đề cập đến sự ăn một của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ nơi thế giới Liên hoa đài tạng và sự xuất hiện của Ngài trong thế giới Ta Bà này. Trong đó, nội dung đề cập đến thân thế, chí nguyện xuất gia, tu tập, thành đạo và nói 58 giới của Bồ tát, gồm 10 giới nặng là thuộc về Giới pháp vô tận; 48 giới còn lại là thuộc về giới nhẹ, nghĩa là chúng không quan trọng so với 10 Giới pháp vô tận, nhưng nó lại cần thiết để thành tựu pháp môn Tâm địa. Xưa nay kinh này thường được lưu hành quyển hạ, gọi là Phạm võng Bồ tát giới kinh, Bồ tát giới bản, Đa la giới bản, Bồ tát ba la đề mộc xoa kinh, Phạm võng kinh Lô xá na Phật thuyết Bồ tát thập trọng tứ thập bát kinh giới.

Kinh này được xem là thuộc quyển kinh đệ nhất nói về giới luật của Đại thừa, được giới Phật giáo Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam trọng thị. Vị tăng Nhật Bản là Tối Trừng căn cứ vào nội dung của kinh cho rằng nó có liên quan đến giới luật ở thời điểm mà nó xuất hiện. Giới của kinh này khác với giới của Tiểu thừa, vì không phân biệt tại gia, xuất gia, chủ trương căn cứ vào giới cộng thông của chúng sinh, lấy việc tự giác về Phật tính làm cơ sở.

Ngoài ra, kinh này vốn do đức Phật Lô xá na tuyên thuyết, đức Phật Thích Ca nói lại dưới gốc cây Bồ đề, vì thế nó được xếp vào thế

loại kinh Hoa nghiêm. Bởi lẽ không rõ sự thực lịch sử về sự lưu truyền và người phiên dịch, do trong lời văn phần nhiều dẫn dụng các kinh khác, nên cũng được suy đoán là không phải dịch từ bản tiếng Phạm, mà là do người Trung quốc ngụy tạo và thời đại biên soạn có lẽ vào khoảng những năm cuối đời Lưu Tống.

Trong Đại chánh tạng có kinh Đại thừa du già kim cương tánh hải Mạn thù thất lợi thiên tý thiên bát đại giáo vương (còn gọi Thiên tý thiên bát Mạn thù thất lợi kinh/ Văn thù đại giáo vương kinh/ Thiên bát kinh), 10 quyển, số hiệu 1177A, do ngài Bất Không dịch. Theo đại sư Thái Hư nhận xét, Bồ tát Văn thù hiện ngàn tay, mỗi tay cầm một bát, trong mỗi bát hiện ngàn đức Thích Ca v.v... trình bày sự việc, qua đó cho thấy kinh này là sự kết hợp tư tưởng Mật giáo với thế giới Liên hoa đài tạng của đức Phật Lô xá na trong kinh Phạm võng. Cụ thể, từ quyển 7 đến quyển 9 của kinh này, đối chiếu thì thấy nó là quyển thượng của kinh Phạm võng được tiếp biến, với nhiều thêm thắt cho rõ nghĩa. Lương Khải Siêu nhận định: “Chúa tể của giới phiên dịch là ngài La Thập ... Ngài ở Trung Hoa tuy quá ít nhưng ảnh hưởng thật vĩ đại đến bất tư nghi ... Tóm tắt, Phật giáo thuộc văn hệ Trung Hoa có một cơ sở vững chắc về học lý, để có một sự phát triển có hệ thống, thực bắt nguồn từ ngài La Thập.” Xét về ngôn ngữ, văn pháp trong quyển thượng của kinh Phạm võng, người dịch cảm thấy đây không phải là văn phong của ngài Cưu-ma-la-thập, bởi lẽ có nhiều thuật ngữ quá xa lạ, câu cú thì lộn xộn, thiếu sót, tối nghĩa. Cho nên trong quá trình dịch thuật, chúng tôi phải tìm hiểu

thêm các bản chú sớ như Phạm võng kinh hợp chú (Vạn/694), Phạm võng kinh trực giải (Vạn/697), để chuyên dịch sao cho thoát văn mà không mất ý. So sánh giữa quyển thượng và quyển hạ kinh Phạm võng, có thể thấy quyển hạ thật hoàn hảo, do đó, người dịch cho rằng quyển thượng không phải do ngài Cưu-ma-la-thập dịch. Các bản sớ giải kinh Phạm võng phần nhiều tập trung vào quyển hạ, tức Phạm võng Bồ tát giới kinh. Riêng quyển thượng, tức phẩm Tâm địa pháp môn, có vài vị cổ đức đã cố gắng chú giải sơ lược, hay nếu kỹ lưỡng thì cũng là phỏng đoán theo sở học của mình. Chúng tôi chỉ chuyên dịch quyển thượng kinh Phạm võng ra Việt văn, vì lẽ chưa có ai dịch. Quyển hạ đã có hai bản dịch chuẩn và phổ cập: bản của H.T Thích Trí Tịnh và bản của H.T Thích Trí Quang.

Về sớ giải kinh Phạm võng thì có rất nhiều, như các bản sau đây:

1. Phạm võng Bồ tát giới nghĩa sớ, 2 quyển, đời Tùy, Trí Khải soạn. (Vạn, No. 676 – Chánh, No. 1811)
2. Phạm võng Bồ tát giới kinh sớ san bổ, 3 quyển, đời Đường, Minh Khoáng soạn để bổ sung bộ sớ giải của Trí Khải. (Vạn, No. 677 – Chánh, No. 1812)
3. Phạm võng Bồ tát giới kinh sớ chú, 8 quyển, đời Tống, Dữ Hàm chú giải. (Vạn, No. 678)
4. Phạm võng Bồ tát giới kinh nghĩa sớ phát ẩn, 5 quyển, đời Minh, Chu Hoàn soạn. (Vạn, No. 679)

5. Phạm võng Bồ tát giới kinh nghĩa số phát ản sự nghĩa, 1 quyển, đời Minh, Chu Hoành thuật. (Vạn, No. 680)

6. Phạm võng Bồ tát giới kinh nghĩa số phát ản vấn biện, 1 quyển, đời Minh, Chu Hoành soạn. (Vạn, No. 681)

7. Phạm võng kinh ký, 1 quyển, đời Đường, Truyền Áo soạn. (Vạn, No. 682)

8. Phạm võng kinh Bồ tát giới bản tư số, 1 quyển, nước Tân La, Nguyên Hiếu tạo. (Vạn, No. 683)

9. Phạm võng kinh Bồ tát giới bản số, 6 quyển, đời Đường, Pháp Tạng soạn. (Vạn, No. 684 – Chánh, No. 1813)

10. Phạm võng kinh Bồ tát giới bản số, 3 quyển, nước Tân La, Nghĩa Tịch thuật. (Vạn, No. 685 – Chánh, No. 1814)

11. Phạm võng kinh Bồ tát giới bản thuật ký, 4 quyển, đời Đường, Thảng Trang soạn. (Vạn, No. 686)

12. Phạm võng kinh Bồ tát giới bản số, 2 quyển, đời Đường, Trì Chu soạn. (Vạn, No. 687)

13. Bồ tát giới bản tông yếu, 1 quyển, nước Tân La, Đại Hiền soạn. (Vạn, No. 688)

14. Phạm võng kinh cô tích ký, 2 quyển, nước Tân La, Đại Hiền tập. (Chánh, No. 1815)

15. Phạm võng kinh Bồ tát giới số, 1 quyển, đời Đường, Pháp Tiễn soạn. (Vạn, No. 690)

16. Phạm võng kinh Bồ tát giới chú, 3 quyển, đời Tống, Tuệ Nhân chú. (Vạn, No. 691)

17. Bồ tát giới sơ tùy kiến lục, 1 quyển, đời Minh, Kim Thích tạo. (Vạn, No. 692)

18. Phạm võng kinh huyền nghĩa, 1 quyển, đời Minh, Trí Húc soạn. (Vạn, No. 693)

19. Phạm võng kinh hợp chú, 7 quyển, nhà Minh, Trí Húc chú. (Vạn, No. 694)

20. Phạm võng kinh Bồ tát giới lược số, 8 quyển, đời Minh, Hoàng Tấn thuật. (Vạn, No. 695)

21. Phạm võng kinh trực giải, 2 quyển, nhà Minh, Tịch Quang trực giải. (Vạn, No. 697)

22. Phạm võng kinh thuận chu, 2 quyển, đời Thanh, Đức Ngọc thuận chu (: làm theo lời dạy của cổ đức). (Vạn, No. 699)

23. Phạm võng kinh Bồ tát giới sơ tân, 8 quyển, đời Thanh, Thu Ngọc thuật. (Vạn, No. 700)

24. Bồ tát giới bản tiên yếu, 1 quyển, đời Minh, Trí Húc chú thích. (Vạn, No. 702)

25. Phạm võng kinh khai đề, 1 quyển, Nhật bản, Không Hải soạn.

26. Phạm võng giới bản sơ nhật châu sao, 50 quyển, Ngung Nhiên soạn.

Các sách chú giải kinh Phạm võng Bồ tát giới bằng tiếng Việt có thể liệt kê là:

1. Phạm võng kinh Bồ tát giới bản giảng ký, Pháp sư Diễn Bồ giảng bằng tiếng Trung Hoa, H.T Thích Trí Minh dịch Việt. (Giảng quyển hạ)

2. Kinh Phạm võng Bồ tát giới, H.T Thích Trí Tịnh dịch. (Dịch quyển hạ)

3. Phạm võng Bồ tát giới, H.T Thích Trí Quang dịch giải. (Dịch giải quyển hạ)

4. Kinh Phạm võng Bồ tát tâm địa giới, Tỳ kheo Thích Thiện Hạnh dịch, biên soạn, chú thích. (Quyển hạ)

5. Kinh Phạm võng Bồ tát tâm địa phẩm, Sư bà Thê Quán dịch. (Dịch quyển hạ)

6. Kinh Phạm võng giảng lược, Thiên sư Duy Lực giảng, Tỳ kheo Thích Đồng Thường soạn lược. (Quyển hạ)

7. Phật nói kinh Phạm võng Bồ tát tâm địa phẩm lược số, ngài Hoằng Tán số giải, Tỳ kheo ni Thích Nữ Trí Hải dịch Việt. (Phạm võng kinh Bồ tát giới lược số, 8 quyển, Vạn/No. 695, số giải quyển hạ)

Ngày Phật Niết bàn – PL. 2561 – 2017

Phật tử Quảng Minh kính ghi

## **Kinh Phạm Võng**

### **Đức Phật Lô xá na thuyết tâm địa giới của Bồ tát**

**Phẩm thứ mười**

**Quyển thượng**

Thời Hậu Tần, nước Quy Tư, Tam tạng Cưu-ma-la-thập dịch.

Việt dịch: Quảng Minh.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở tại cung điện của thiên vương Ma-hê-thủ-la, nơi Đệ tứ thiên địa, cùng với vô lượng Đại Phạm thiên vương, và bất khả thuyết bất khả thuyết chúng Bồ tát; Ngài thuyết phẩm Pháp Môn Tâm Địa mà đức Phật Lô xá na đã nói ở thế giới Liên hoa đài tạng.

Khi ấy, thân đức Phật Thích Ca phóng ra ánh sáng trí tuệ, chiếu từ thiên vương cung đây cho đến thế giới Liên hoa đài tạng. Chúng sinh trong các thế giới được ánh sáng chiếu đến, thấy đều biểu lộ niềm hoan hỷ an lạc, đều sinh nghi ngờ, không biết lý do gì mà có ánh sáng này; vô lượng chư thiên, loài người cũng sinh nghi ngờ.

Bấy giờ, trong đại chúng có Bồ tát Huyền Thông Hoa Quang Vương vừa rời khỏi tam muội Đại trang nghiêm hoa quang. Đức Phật dùng thần lực phóng ra ánh sáng màu mây trắng và kim cương, soi sáng tất cả thế giới, do đó tất cả Bồ tát cùng về tập hội, chung lòng khác miệng, thưa hỏi: “Những ánh sáng này là biểu tượng cho gì?”

Khi ấy, đức Thích Ca liền nâng đỡ đại chúng ở thế giới này đưa về thế giới Liên hoa đài tạng, vào trong trăm vạn ức cung điện Tử Kim Cương Quang Minh, thấy đức Phật Lô xá na đang ngồi trên tòa hoa sen triệu cánh rực rỡ ánh sáng. Sau khi đức Phật Thích Ca và chư đại chúng kính lễ dưới chân đức Phật Lô xá na, đức Phật Thích Ca thưa: “Trong thế giới này, tất cả chúng sinh nơi đại địa và hư không thực hành nhân duyên gì để thành tựu con đường của Bồ tát thập địa? Bằng những sắc thái nào để thành tựu quả Phật?”

Như trong phẩm Phật tánh bản nguyên có hỏi rộng về chủng tử của tất cả Bồ tát.

Bấy giờ, đức Phật Lô xá na liền rất hoan hỷ, hiện ra thể tánh hư không và ánh sáng, cùng tam muội Bản nguyên thành Phật thường trú pháp thân, chỉ dạy chư đại chúng: “Này chư Phật tử, hãy lắng nghe, khéo tư duy và tu hành, Ta đã trải qua trăm A tăng kỳ kiếp tu hành tâm địa, lấy đó làm nhân tố, mới bỏ được tánh phàm phu mà thành Đẳng chánh giác, hiệu là Lô xá na, trú thế giới hải Liên hoa đài tạng. Có ngàn cánh hoa sen bao quanh đài ấy, một cánh là một thế giới, làm thành một ngàn thế giới. Ta hóa ra một ngàn đức Thích Ca trú ở một ngàn thế giới. Rồi thì một thế giới cánh sen, lại có trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt trời - mặt trăng, trăm ức Bốn châu thiên hạ, trăm ức Nam Diêm Phù Đề, trăm ức Bồ tát Thích Ca ngồi dưới trăm ức cội Bồ đề, mỗi đức Thích Ca sẽ nói pháp môn Tâm địa của Bồ-đề-tát-đỏa mà các ông vừa hỏi. Chín trăm chín mươi chín đức Thích Ca còn lại cũng như vậy. Ngàn Phật Thích

Ca hiện ra ngàn lần trăm ức đức Thích Ca. Ngàn Phật Thích Ca trên ngàn cánh sen là hóa thân của Ta. Ngàn lần trăm ức đức Thích Ca là hóa thân của ngàn Phật Thích Ca. Ta chính là bản nguyên, danh hiệu là Phật Lô xá na.”

Bây giờ, đức Phật Lô xá na ngự trên tòa Liên hoa đài tạng, dạy bảo thêm cho lời hỏi về pháp môn Tâm địa của ngàn Phật Thích Ca và ngàn lần trăm ức đức Thích Ca:

“Chư Phật nên biết, trong *tín nhẫn kiên cố* có mười tâm phát thú để hướng quả: 1. Xả tâm; 2. Giới tâm; 3. Nhẫn tâm; 4. Tiến tâm; 5. Định tâm; 6. Tuệ tâm; 7. Nguyện tâm; 8. Hộ tâm; 9. Hỷ tâm; 10. Đảnh tâm. Chư Phật nên biết, từ mười tâm phát thú đi vào *pháp nhẫn kiên cố*, có mười tâm trưởng dưỡng để hướng quả: 1. Từ tâm; 2. Bi tâm; 3. Hỷ tâm; 4. Xả tâm; 5. Thí tâm; 6. Hảo ngữ tâm; 7. Ích tâm; 8. Đồng tâm; 9. Định tâm; 10. Tuệ tâm. Chư Phật nên biết, từ mười tâm trưởng dưỡng đi vào *tu nhẫn kiên cố*, có mười tâm kim cương để hướng quả: 1. Tín tâm; 2. Niệm tâm; 3. Hồi hướng tâm; 4. Đạt tâm; 5. Trục tâm; 6. Bất thối tâm; 7. Đại thừa tâm; 8. Vô tướng tâm; 9. Tuệ tâm; 10. Bất hoại tâm. Chư Phật nên biết, từ mười tâm kim cương đi vào *thánh nhẫn kiên cố*<sup>1</sup>, có mười địa để hướng quả: 1. Thể tánh Bình đẳng địa; 2. Thể tánh Thiệt tuệ địa; 3. Thể tánh Quang minh địa; 4. Thể tánh Nhĩ diễm địa; 5. Thể tánh Tuệ chiếu địa; 6. Thể tánh Hoa quang địa; 7. Thể tánh Mãn túc địa; 8. Thể tánh Phật hồng địa; 9. Thể tánh Hoa nghiêm địa; 10. Thể tánh Nhập Phật

---

<sup>1</sup> Kiên tín nhẫn = tín nhẫn kiên cố. Kiên pháp nhẫn = pháp nhẫn kiên cố. Kiên Thánh nhẫn = Thánh nhẫn kiên cố.

giới địa. Đó là phẩm loại của bốn mươi pháp môn. Đó là căn nguyên tu hành đi vào quả Phật khi Ta làm Bồ tát. Như vậy, tất cả chúng sinh đi vào phát thú, trưởng dưỡng, kim cương, thập địa, chứng thành quả Phật: cái quả vô vi, vô tướng, đại mãn thường trú, mười lực, mười tám hành bất cộng, đầy đủ pháp thân, trí thân.”

Bấy giờ, nơi thế giới Liên hoa đài tạng, đức Phật Lô xá na đang ngự trên tòa ánh sáng lớn rực rỡ; ngàn đức Phật ngự trên ngàn cánh hoa; ngàn lần trăm ức đức Phật trú nơi tất cả thế giới Phật. Trong chúng hội có một vị Bồ tát tên là Hoa Quang Vương Đại Trí Minh, từ chỗ ngồi đứng dậy, thưa với đức Phật Lô xá na rằng: “Bạch đức Thế Tôn, Ngài đã khai thị sơ lược về danh tướng của mười phát thú, mười trưởng dưỡng, mười kim cương và mười địa. Đối với những nghĩa lý mà chúng con chưa thể hiểu rõ, cúi xin đức Thế Tôn nói đó, cúi xin đức Thế Tôn nói đó.”

Đó là tất cả trí môn của Diệu cực Kim cương bảo tạng, mà trong phẩm Như Lai bách quán đã nói rõ.

### **[Mười tâm phát thú:]**

Bấy giờ, đức Phật Lô xá na dạy: “Ngàn Phật hãy lắng nghe! Trước hết Ta sẽ nói cho các ông thế nào là nghĩa của mười phát thú.”

“Chư Phật tử, xả tâm là xả tất cả các vật hữu vi như quốc độ, thành ấp, ruộng vườn, nhà cửa, vàng bạc châu báu, người nam, người nữ, bản thân. Xả tất cả là vô vi, vô tướng<sup>2</sup>. Tri kiến về mình người toàn do giả

---

<sup>2</sup> Vô vi là nhân không. Vô tướng là pháp không.

đanh hội hợp, thành ra có chủ thể tạo tác ngã kiến. Mười hai nhân duyên thì không có hội hợp, không có tan rã, không có thọ giả. Mười hai nhập, mười tám giới, năm ấm, tất cả pháp là tướng nhất hợp, nhưng là tướng vô ngã và vô ngã sở, do giả hợp làm thành các pháp. Nếu đối với tất cả pháp ở trong và tất cả pháp ở ngoài<sup>3</sup> mà Bồ tát không xả bỏ, không thọ nhận, thì gọi là Như giả hội quán hiện tiền. Xả tâm thì đi vào Không tam muội.”

“Chư Phật tử! Giới tâm là phi giới, là chẳng phải phi giới, là không có người thọ giới, là thập thiện giới, là không có đạo sư thuyết pháp, là không đối trá cho đến không tà kiến, là không có sự tập khởi. Tình thương, lương thiện, trong sáng, thẳng thắn, chánh đáng, chân thật, chánh kiến, xả, hỷ,<sup>4</sup> là thể tánh của mười giới. Giới ấy chế ngự và đình chỉ tám thứ điên đảo<sup>5</sup>, rời xa tất cả tánh [nhị biên], là con đường duy nhất đưa tới thanh tịnh.”

“Chư Phật tử! Nhân tâm là thể tánh của trí tuệ hữu tướng và vô tướng. Nhất thiết không gọi là Không nhân. Nhất thiết xứ nhân gọi là Vô sinh hành nhân. Nhất thiết xứ đặc gọi là Như khổ nhân. Vô lượng hành tướng, mỗi một hành tướng gọi là nhân. Nhân là không nhận, không

---

<sup>3</sup> Pháp ở trong là thân tâm. Pháp ở ngoài là thế giới của thân tâm.

<sup>4</sup> Từ đề phòng sát sinh. Lương đề phòng trộm cắp. Thanh đề phòng dâm dục. Trực đề phòng vọng ngữ. Chánh đề phòng rượu chè. Thật đề phòng hủy báng. Chánh kiến đề phòng tà kiến. Xả đề phòng xan tham. Hỷ đề phòng sân hận. (9 giới)

<sup>5</sup> Bát đảo: Phạm phu có 4 thứ điên đảo hữu vi: vô thường chấp là thường, vô lạc chấp là lạc, vô ngã chấp là ngã, vô tịnh chấp là tịnh. Nhị thừa có 4 thứ điên đảo vô vi: thường chấp là vô thường, lạc chấp là vô lạc, ngã chấp là vô ngã, tịnh chấp là vô tịnh. (tứ đức niết bàn)

đánh, không dao gậy, không tâm giận dữ, đều là chân như. Không có tánh chất biệt lập, đế lý nhất tướng, không có vô tướng, không có hữu tướng, chẳng phải phi tâm tướng, chẳng phải duyên tướng và vô duyên tướng, chẳng có đứng đi động dừng, mình người trói buộc và cởi thoát; tất cả các pháp đều là chân như, nên sắc thái của nhân là bất khả đắc.”

“Chư Phật tử! Tiến tâm là thực hành bốn uy nghi trong mọi thời gian, chế phục cái không và cái giả, thể hội pháp tánh<sup>6</sup>, lên núi vô sinh, để thấy tất cả pháp là hữu, vô, như hữu, như vô<sup>7</sup>. Quán nhập đại địa, xanh, vàng, đỏ, trắng<sup>8</sup>, biến khắp tất cả, cho đến trí tánh của Tam bảo. Dem tất cả đức tin ấy để thăng tiến đạo: không, vô sinh, vô tác<sup>9</sup>, vô tuệ<sup>10</sup>. Từ cái không đi vào pháp thế tục đế mà không có hai tướng. Tương tục không tâm để thấu suốt thiện căn tiền phần.”

“Chư Phật tử! Định tâm là tịch diệt vô tướng. Người [thông đạt] vô tướng bấy giờ đi vào nội không, gặp bậc đạo tâm chúng sinh<sup>11</sup>, không nói duyên, không thấy vô tướng, có vô lượng hạnh, được Vô lượng tâm tam muội. Phạm phu và Thánh nhân, ai cũng có thể đi vào tam muội, nếu có được định lực và tương ưng được với thể tánh thanh tịnh. Ngã, nhân, tác giả, thọ giả và tất cả phược là nhân duyên chướng ngại cho sự

---

<sup>6</sup> Không là biến kế. Giả là y tha. Pháp tánh là viên thành.

<sup>7</sup> Hữu là hữu tướng. Vô là vô tướng. Như hữu là thế tục tự có. Như vô là thắng nghĩa tự không có.

<sup>8</sup> Chỉ cho mười biến xứ, cũng gọi là mười nhất thiết xứ, là quán 10 thứ sau đây mỗi mỗi biến khắp tất cả nơi, đó là xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, lửa, gió, không, thức.

<sup>9</sup> Chỉ cho tam giải thoát môn: không, vô tướng, vô tác.

<sup>10</sup> Vô tuệ là không có tam giải thoát tuệ.

<sup>11</sup> Chánh văn là đạo tâm chúng sinh, cách gọi khác của Bồ tát. Bồ tát, gọi đủ là Bồ đề tát đỏa, ý dịch là Đạo chúng sinh, Giác hữu tình, Đại giác hữu tình, Đạo tâm chúng sinh, Đại sĩ.

kiến tánh. Tâm trí tán động thì không cần tĩnh lặng mà tự diệt. Không không<sup>12</sup> thì tám thứ điên đảo không còn có duyên tố [để sinh khởi]. Tuệ quán về giả danh và thanh tịnh thì tất cả ý niệm giả hợp đều diệt. Tất cả tội tánh nhận chịu quả dị thực trong ba cõi được diệt trừ, toàn là do có được định tâm, từ đó phát sinh tất cả thiện.”

“Chư Phật tử! Tuệ tâm là tuệ giác về không. Tuệ tâm ấy chẳng phải không có duyên tố. Nhận biết thể tánh gọi là tâm. Tâm phân biệt được tất cả pháp, tạm gọi là ông chủ. Tâm ấy xuyên suốt và đồng điệu với tuệ giác, nắm giữ quả, thực hành nhân, nhập Thánh xả phàm, diệt tội khởi phước, giải thoát những phiền não trói buộc, đó là thể tánh và công dụng của tâm. Tất cả những kiến chấp về thường, lạc, ngã, tịnh có ra là do không hiểu rõ phiền não và tuệ tánh. Lấy tuệ làm đầu, tu hành tuệ quán bất khả thuyết<sup>13</sup>, đi vào trung đạo nhất đế<sup>14</sup>. Cái tuệ bị vô minh che lấp, tuệ ấy chẳng có tướng, chẳng từ đâu đến, chẳng phải duyên, chẳng phải tội, chẳng phải tám thứ điên đảo, không có sinh diệt. Ánh sáng tuệ giác soi chiếu bao trùm cái không, từ đó phương tiện chuyển biến thành thần thông, vì lấy cái thể của trí làm ra cái dụng của tuệ vậy.”

---

<sup>12</sup> Không không là một trong 17 cái Không mà kinh điển thường nói. Sự tác ý tư duy về cái không để đối trị các cái tướng (như tướng nhân vô ngã, tướng pháp vô ngã, tướng duy thức, tướng thắng nghĩa, tướng vô vi, tướng không biến dịch, v.v...) thì có cái tướng không, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi không không.

<sup>13</sup> Tuệ quán bất khả thuyết = tuệ quán vô ngôn: tuệ quán về pháp tánh vô ngôn.

<sup>14</sup> Nhất đế = đệ nhất nghĩa đế: cũng gọi thắng nghĩa đế, chân đế, Thánh đế, niết bàn, chân như, thật tướng, trung đạo, pháp giới.

“Chư Phật tử! Nguyên tâm là thệ nguyện và mong cầu sự vĩ đại<sup>15</sup>, đó là cầu nhất thiết trí. Vì quả trí mà thực hành nhân hạnh, cho nên nguyện tâm tiếp nối nguyện tâm, tương tục trải trăm [A tăng kỳ] kiếp. Đắc quả Phật thì tội chướng diệt, thiết tha cầu tâm địa, cầu đạt vô sinh, không không và nhất nguyện. Khi tu quán thì phải quán nhập chánh định soi chiếu tuệ giác. Vô lượng thấy biết bị trói buộc nhờ tâm mong cầu mà được giải thoát. Vô lượng diệu hạnh nương tâm mong cầu mà được thành tựu. Vô lượng công đức của Bồ đề lấy tâm mong cầu làm căn bản. Khởi đầu phát tâm mong cầu, khoảng giữa tu đạo, thực hiện trọn vẹn những nguyện cầu thì quả Phật liền thành tựu. Quán nhập trung đạo nhất đế, [thường an trú tịch tĩnh], thì chẳng có tịch chiếu, chẳng có ám giới, chẳng có mất đi và sinh ra, cái thấy chẳng phải là cái thấy. Hiểu biết về tuệ giác là thể tánh của nguyện, là bản nguyên của tất cả hành.”

“Chư Phật tử! Hộ tâm là hộ trì Tam bảo và hộ trì công đức của tất cả hành, bằng cách không cho ngoại đạo, tám thứ điên đảo, ác tà kiến, v.v... nhiều loạn đức tin chân chánh. Diệt ngã phược và kiến phược<sup>16</sup> bằng tuệ quán vô sinh thì thông suốt hai đế chân tục. Quán tâm ngay hiện tại là sự hộ trì căn bản<sup>17</sup>, trong đó: (1) Hộ trì vô tướng là hộ trì ba giải thoát môn: không, vô tác và vô tướng, để tâm và tuệ đi vào vô sinh, để không đạo và trí đạo đều là ánh sáng. (2) Hộ trì ánh sáng [tuệ giác] là

---

<sup>15</sup> Dục tâm = Bồ đề tâm: Đó là chí cầu đạo quả Vô thượng bồ đề, cùng với tất cả bồ tát, tất cả chúng sinh, đồng tâm, đồng hành, đồng nguyện, đồng cầu.

<sup>16</sup> Ngã phược và kiến phược là hai chấp ngã và pháp.

<sup>17</sup> Căn bản là hộ trì tâm mình.

quán nhập đạo lý không và giả nơi các pháp, thấy từng phần là huyễn hóa. Huyền hóa sinh khởi thì như là không có (như vô). Pháp thể như vô ấy dù tập khởi hay ly tán đều không thể hộ trì, [không thể thủ đắc]<sup>18</sup>. Quán pháp cũng như vậy.”

“Chư Phật tử! Hỷ tâm là thường sinh tâm tùy hỷ, vui thích khi thấy người khác và muôn vật được an vui. Thể hội đạo lý giả không và tịch chiếu, cho nên không đi vào hữu vi, không đi vào vô vi, có được đại lạc của sự tịch nhiên: không có hội hợp, không có ly tán, có tiếp nhận thì dạy dỗ, có giáo pháp thì học hỏi. Huyền diệu (vô vi) và giả huyễn (hữu vi) là pháp tánh bình đẳng. Quán chiếu chuyên nhất vào tâm và tâm hành, nghe nhiều về phước đức và công hạnh của chư Phật. Hoan hỷ và trí tuệ thì vô tướng, nên khi duyên với các pháp, trong tâm sinh khởi ý niệm mà tâm vẫn vắng lặng, sáng soi và an lạc.”

“Chư Phật tử! Đánh tâm là Bồ tát có được cái trí tối thượng, diệt được vô ngã luân<sup>19</sup>, những kiến nghi về thân<sup>20</sup> và tất cả phiền não tham, sân, v.v...<sup>21</sup>, đánh pháp quán trí liên tục, quán trí liên tục đánh pháp<sup>22</sup>. Nhân quả trong pháp giới đều là nhất đạo chân như. Trí tác quán đây là

---

<sup>18</sup> Bản thể của các pháp vốn không tập tán, sinh diệt, nên không thể thủ đắc.

<sup>19</sup> Vô ngã luân là phiền não nhiễu loạn ở Bồ tát thập trụ.

<sup>20</sup> Chỉ cho ngũ lợi sử phiền não: thân kiến, biên chấp kiến, kiến thủ kiến, tà kiến và giới cấm thủ kiến.

<sup>21</sup> Chỉ cho ngũ độn sử phiền não: tham, sân, si, mạn và nghi.

<sup>22</sup> Chánh văn là như đánh quán liên, quán liên như đánh. Đánh là đánh đầu hay đánh núi. Luận Câu xá, quyển 23 tr. 119c15: “Noãn thiện căn đây, hạ trung thượng phẩm, lần lượt tăng trưởng cho đến khi thành mãn, có thiện căn sanh tên là đánh pháp. Do sự chuyển thắng này nên lập tên khác; trong thiện căn động, pháp đây tối thắng, như là đánh đầu nên gọi đánh pháp; hoặc do từ đây có sự tiến thoái hai bên, như đang ở đánh núi, gọi tên là đánh.”

trí tối thắng thượng, như đánh của sự vật, như đánh đầu con người. Quán trí ấy chẳng phải thân kiến, chẳng phải sáu mươi hai kiến chấp<sup>23</sup>, chẳng phải năm uẩn sinh diệt, chẳng phải thần ngã làm chủ sự chuyển động co duỗi, không tác ý, không cảm thọ, không tâm hành, không có gì để nắm buộc. Bồ tát bấy giờ đi vào nội không, gặp bậc đạo tâm chúng sinh, không thấy duyên, không thấy phi duyên, trú tam muội Đảnh, được cái định Tịch diệt, phát khởi diệu hạnh, hướng đến tuệ giác, tánh thật. Bồ tát đối với thường kiến về mình người, sinh tám thứ điên đảo, thì dựa vào pháp môn bất nhị, vì vậy không thọ tám nạn<sup>24</sup>, hoàn toàn không thọ những quả báo huyễn hóa<sup>25</sup>. Đó là một chúng sinh mà đến đi tọa vị, tu hành diệt tội, trừ mười việc ác, sinh mười việc thiện, là bậc chánh nhân nhập đạo, bậc chánh trí chánh hành, là Bồ tát đạt quán trí hiện tiền, là người không thọ quả báo sáu đường, chắc chắn không thoái lui chúng tánh Phật, đời đời vào nhà của Phật, không rời xa chánh tín.”

Mười phát thú ở trên được nói rộng trong phẩm Thập thiên quang.

**[Mười tâm trưởng dưỡng:]**

Đức Phật Lô xá na dạy: “Này ngàn đức Phật! Mười tâm trưởng dưỡng các ông đã hỏi. Chư Phật tử! Từ tâm là thường thực hành tâm từ,

---

<sup>23</sup> Xem Kinh Phạm võng lục thập nhị kiến, ĐTK No.21, đời Ngô, Chi Khiêm, H.T Thích Chánh Lạc dịch. Trường bộ kinh - Kinh Phạm võng, H.T Thích Minh Châu dịch.

<sup>24</sup> Tám nạn xứ: tám trường hợp không may mắn, chướng nạn cho sự thấy Phật nghe pháp: 1. Địa ngục; 2. Ngạ quỷ; 3. Súc sinh (1,2,3 là ba đường dữ); 4. Bắc cầu lô châu (sống quá sướng); 5. Trời Trường thọ (sống quá lâu); 6. Làm người mà đui, điếc, câm, ngọng; 7. Làm người mà thế trí biện thông; 8. Làm người mà sinh trước hay sau Phật xuất thế và nhằm chỗ hay lúc không có Phật pháp.

<sup>25</sup> Chỉ quả báo trong ba cõi, sáu đường.

nhân tố sinh ra cái lạc. Quán chiếu cái lạc tương ưng bằng trí vô ngã<sup>26</sup> để đi vào các pháp. Trong đại pháp: thọ, tưởng, hành, thức và sắc<sup>27</sup>, không có sinh, không có trú, không có diệt, như huyễn hóa, là chân như vô nhị, cho nên tất cả sự tu hành là làm thành pháp luân<sup>28</sup>, hóa độ tất cả chúng sinh, làm họ sinh chánh tín, không do ma vương dạy dỗ, cũng làm cho tất cả chúng sinh có được cái quả an lạc của từ tâm, cái quả mà phi thật, phi thiện ác, và có được tam muội Thể tánh giải không.”

“Chư Phật tử! Bi tâm là vận dụng tánh không không và vô tướng vào tâm bi, và lấy tâm bi làm duyên để hành đạo, tự diệt tất cả nguyên nhân của khổ. Đối với vô lượng khổ của tất cả chúng sinh thì sinh khởi trí [đại bi], không làm duyên sát sinh, không làm duyên hủy pháp, không làm duyên chấp ngã, cho nên thường hành không sát, không trộm, không dâm, không gây phiền não cho một chúng sinh nào. Phát bồ đề tâm là thấy như thật tướng của tất cả pháp qua sự quán sát tánh Không; là sinh đạo trí tâm<sup>29</sup> bằng sự thực hành chủng tánh [thanh tịnh sẵn có]; là giúp ba loại người: sáu thân, sáu ác và sáu thân ác<sup>30</sup> bằng Thượng lạc trí<sup>31</sup>. Trong chín phẩm người ác duyên<sup>32</sup> ở trên, ai có được kết quả an vui, Bồ

---

<sup>26</sup> Vô ngã trí = căn bản trí.

<sup>27</sup> Đại pháp là tứ đại pháp. Thọ, tưởng, hành, thức là tâm. Sắc là thân.

<sup>28</sup> Pháp luân: bánh xe chánh pháp, tức thành tựu pháp của Phật thuyết.

<sup>29</sup> Đạo trí tâm = hậu đắc trí.

<sup>30</sup> Sáu thân: cha, mẹ, vợ, con, anh, em. Sáu ác là sáu thân mà không tốt (oan gia). Sáu thân ác là người ngoài như thầy cô, bạn bè, đồng nghiệp, đối tác, người làm công, người không quen, v.v...

<sup>31</sup> Thượng lạc trí = đại bi trí: trí trao cho niềm vui.

<sup>32</sup> Nói về mặt ác (không tốt, xấu xa) thì được chia làm 3 bậc thượng trung hạ, mỗi bậc lại có 3, thành ra 9 phẩm.

tát đều vui mừng khởi tâm đại bi, vì nơi tánh Không thì tự thân, tha thân, tất cả chúng sinh đều bình đẳng.”

“Chư Phật tử! Hỷ tâm là tâm hỷ duyệt đối với pháp Vô sinh, khi ấy chúng tánh và thể tướng [của các pháp], cùng với đạo trí đều là tánh Không không<sup>33</sup>. Hỷ tâm là không dính mắc ngã và ngã sở, là không có tập khởi sự sinh tử nhân quả ba đời. Tất cả pháp hiện hữu đi vào Không, nên quán hạnh thành tựu. Hỷ tâm là bình đẳng với tất cả chúng sinh, khởi Không nhập đạo, bỏ ác tri thức, cầu thiện tri thức chỉ dạy cho mình con đường tốt, là làm cho chúng sinh đi vào ngôi nhà Phật pháp. Khi đi vào pháp vị thì thường sinh tâm hoan hỷ đối với chánh pháp. Và còn khiến cho các chúng sinh đi vào chánh tín, bỏ tà kiến, vui mừng khi bỏ được khổ đau trong sáu đường.”

“Chư Phật tử! Xả tâm là thường tu tâm xả bỏ, qua ba pháp như hư không: vô tạo, vô tướng và không. Bình đẳng quán chiếu đối với nhị nguyên: thiện và ác, hữu kiến và vô kiến, tội và phước. Nơi đối tượng của tâm không thấy có nhân ngã, vì tự thể của tự tha thì không thể thủ đắc. Đại xả<sup>34</sup> là xả bỏ tay, chân, thân mạng của mình, xả bỏ con trai, con gái, quốc thành, coi như huyễn hóa, dòng nước, ánh đèn, tất cả vật đều xả bỏ, mà tâm vô sinh. Xả tâm là thường tu sự xả bỏ như vậy.”

“Chư Phật tử! Thí tâm là thường đem tâm thí xả khắp cả chúng sinh, như thí thân thể, thí lời nói, thí ý nghĩ, thí của cải, thí giáo pháp,

---

<sup>33</sup> Đạo trí = trung đạo trí, trí biết về chúng tánh và thể tướng của các pháp. Không không là tự tha không và ngã pháp không.

<sup>34</sup> Đại xả: vô vi xả, vô tướng xả.

nghĩa là dạy bảo, hướng dẫn tất cả chúng sinh bằng Phật pháp. Nội thân, ngoại thân, quốc thành, người nam, người nữ, ruộng vườn, nhà cửa, đều là sắc thái của chân như. Thí xả mà không có ý niệm về tài vật, người nhận, người cho, không có trong ngoài, không có kết hợp, không có tan rã, không có tâm hành hóa<sup>35</sup> mà vẫn đạt đạo lý, đạt bố thí, tất cả tướng<sup>36</sup> hiện hành ngay hiện tại.”

“Chư Phật tử! Hảo ngữ tâm<sup>37</sup> là nhập tam muội Thể tánh ái ngữ, là pháp ngữ và nghĩa ngữ của đệ nhất nghĩa đế<sup>38</sup>. Tất cả thật ngữ đều thuận theo đệ nhất ngữ của Phật<sup>39</sup>, ngôn ngữ mà điều hòa tâm tánh của tất cả chúng sinh, ngôn ngữ không sân giận và tranh cãi. Trí tuệ về Nhất thiết pháp không thì không có duyên tố, thường sinh ái tâm, hành thuận ý Phật, cũng thuận tất cả người khác. Bồ tát dùng Thánh pháp ngữ để dạy bảo các chúng sinh, thường hành tâm như thật, phát khởi các thiện căn.”

“Chư Phật tử! Lợi ích tâm<sup>40</sup> là khi phát tâm làm lợi ích thì vận dụng thể tánh thật trí để thực hành đạo trí<sup>41</sup>: tập hợp tất cả pháp môn Minh điểm<sup>42</sup>, tập hợp quán hạnh Thất tài<sup>43</sup>. Trên hết là vì lợi ích cho

---

<sup>35</sup> Không có thí tâm sinh khởi, không có thí hạnh thực hiện, không có chúng sinh hóa độ.

<sup>36</sup> Tất cả tướng: không tướng, vô sinh tướng.

<sup>37</sup> Hảo ngữ tâm là ái ngữ nhiếp.

<sup>38</sup> Các pháp có pháp tướng và nghĩa tướng. Pháp ngữ là ngôn ngữ về pháp tướng. Nghĩa ngữ là ngôn ngữ về nghĩa tướng. Đệ nhất nghĩa đế (chân lý bậc nhất) cũng gọi là thắng nghĩa đế, chân đế (chân lý chân thật); đối lại là thế tục đế (chân lý phổ thông), cũng gọi là thế đế hay tục đế (chân lý giả thiết).

<sup>39</sup> Trong tất cả thật ngữ của người thế gian, lời dạy của chư Phật là chân thật bậc nhất.

<sup>40</sup> Lợi ích tâm là lợi hành nhiếp.

<sup>41</sup> Thật trí (trí chân thật) = căn bản trí. Đạo trí = hậu đắc trí, quyền trí, phương tiện trí.

<sup>42</sup> Pháp môn minh điểm: pháp môn ngọn lửa sáng, pháp môn trí tuệ. Đây là tư lương trí tuệ.

người, nhiếp thọ tất cả thân mạng bằng sự thể nhập tam muội Lợi ích, hóa hiện tất cả thân, tất cả lời nói và tất cả ý nghĩ mà chấn động Đại thiên thế giới. Tất cả hành vi, tạo tác của Bồ tát là vì đưa người vào trong Pháp chủng, Không chủng và Đạo chủng<sup>44</sup>, để được lợi ích và an vui. Bồ tát dù hiện hình trong sáu đường, sống giữa vô lượng khổ não mà không lo lắng gì cả, chỉ có một mục đích là lợi ích mọi người.”

“Chư Phật tử! Đồng tâm<sup>45</sup> là vận dụng Đạo tánh trí, cái trí đồng thể với tánh Không. Lấy trí Vô ngã mà quán chiếu đạo lý Vô nhị<sup>46</sup> thì thấy pháp vô sinh đồng với pháp sinh diệt; thấy tánh Không đồng với nguyên

---

<sup>43</sup> Thất tài: Cũng gọi là Thất Thánh tài, Thất đức tài, Thất pháp tài. Chỉ cho 7 Thánh pháp để thành tựu Phật đạo. Đó là tín, giới, tàm, quý, vãng, thí và tuệ. Vì 7 pháp được gìn giữ này có công năng trợ giúp cho sự nghiệp thành Phật nên gọi là Tài (của cải). 1. Tín tài: Tin nhận chánh pháp; 2. Giới tài: Giữ gìn giới luật; 3. Tàm tài: Tự hổ thẹn không dám làm các việc xấu ác; 4. Quý tài: Tâm sinh hổ thẹn khi làm điều bất thiện; 5. Vãng tài: Có khả năng nghe chánh giáo; 6. Thí tài: Lìa bỏ tất cả không đả trước; 7. Định tuệ tài: Thu nhiếp tâm không tán loạn, chiếu soi rõ các pháp. Đây là tư lương phước đức.

<sup>44</sup> Pháp chủng là trung quán. Không chủng là Không quán. Đạo chủng là giả quán.

<sup>45</sup> Đồng tâm = đồng sự tâm, là đồng sự nhiếp.

<sup>46</sup> Vô nhị = bất nhị: Nghĩa đen là không hai. Hai là chỉ cho khái niệm đối hiện và đối lập lẫn nhau. Khái niệm như vậy là hiện thân của sự thác loạn. Vô nhị là tự siêu việt lấy nó, là pháp tánh phi hữu vi, phi vô vi. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Chân thật: “Vô nhị nghĩa là đệ nhất nghĩa. Năm sắc thái vô nhị được trình bày như sau: (1) Chẳng có, là sự biểu hiện của hai tánh phân biệt và y tha thì không phải thật có, nên nói là không. Chẳng không, là tánh chân thật biểu hiện thì thật có, nên nói là có. (2) Chẳng một, là hai tánh phân biệt và y tha không cùng một thật thể (với tánh chân thật). Chẳng khác, là hai tánh ấy cũng không phải khác thể (với tánh chân thật). (3) Chẳng sanh, chẳng diệt, là vì (chân như thì) vô vi. (4) Chẳng thêm, chẳng bớt, là hai phần tạp nhiễm và thanh tịnh khi sanh khởi hay khi đoạn diệt thì pháp giới các pháp vẫn an trú đúng như vậy. (5) Chẳng sạch, là tự tánh (chân như) vốn vô nhiễm nên chẳng cần tu tập cho thanh tịnh. Chẳng không sạch, là khách trần (phiền não) đã bỏ đi. Đây là năm sắc thái vô nhị, chính là sắc thái đệ nhất nghĩa, cần phải biết.” (tr. 598b24) Tánh phân biệt là tánh biến kế sở chấp. Tánh chân thật là tánh viên thành thật.

cảnh<sup>47</sup>. Sắc thái chân như của các pháp là thường sinh, thường trú, thường diệt. Các pháp thế gian tương tục, lưu chuyển không có hạn lượng, thế nhưng Bồ tát có thể hiện hóa vô lượng hình thân, sắc tâm, theo các nghiệp của chúng sinh, đi vào sáu đường, hòa đồng tất cả sự loại, tánh Không đồng với Vô sinh, tự ngã đồng với vô vật. Bồ tát phân thân tán hình như vậy mà vẫn đi vào tam muội Đồng pháp.”

“Chư Phật tử! Định tâm là từ tâm định tĩnh, một lần nữa quán tuệ để chứng tánh Không, tâm thức luôn duyên tĩnh lặng. Bồ tát đối với ngã, ngã sở, pháp, thức giới, sắc giới,<sup>48</sup> mà tâm không động chuyển. Bồ tát dù có sống trong thuận cảnh hay nghịch duyên, có thị hiện hay nhập diệt thì vẫn thường đi vào trăm tam muội<sup>49</sup>, mười thiên chi<sup>50</sup>, lấy một niệm trí<sup>51</sup> làm thành cái biết, biết tất cả ngã nhân, hoặc căn ở trong, hoặc cảnh ở ngoài, chủng tử hiện hành, đều không có tụ hội, ly tán, các pháp tập thành, khởi tác mà không thể thủ đắc.”

---

<sup>47</sup> Đối cảnh chưa có sự phân biệt, còn gọi là hiện lượng.

<sup>48</sup> Ngã, ngã sở, pháp, thức giới, sắc giới: nói chung lại là thân tâm và thế giới của thân tâm, tùy theo cấp độ nhận thức, định tâm (không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ, diệt tận định).

<sup>49</sup> Trăm tam muội: Kinh Nhập Lăng già: “Quán sát hạnh địa liền được Sơ địa vào cả trăm tam muội, được sai biệt tam muội, thấy cả trăm đức Phật và cả trăm Bồ tát. Biết việc về trước về sau cả trăm kiếp, hào quang chiếu cả trăm cõi nước, biết tướng các địa trên, đại nguyện thù thắng, thần lực tự tại, được Pháp vân địa vào vị Quán đảnh, sẽ được Như Lai tự giác địa. Khéo buộc tâm nơi thập vô tận cú, làm thành thực chúng sanh, các thứ biến hóa trang nghiêm sáng suốt, được tự giác thánh lạc tam muội chánh thọ.” (tr. 538a01~09)

<sup>50</sup> Mười thiên chi = mười nhất thiết xứ: xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, lửa, gió, không, thức.

<sup>51</sup> Một niệm trí: một niệm tương ứng trí, tức định và tuệ cùng tương ứng trong một niệm.

“Chư Phật tử! Tuệ tâm là khi tuệ khởi tác thì thấy biết tâm; quán sát sự trói buộc của các tà kiến, kết sử, quá hoạn v.v... thì biết thể tánh của chúng là không cố định. Vì thuận nhẫn [giải thoát] và tánh Không thì đồng nhất, cho nên chẳng có âm, chẳng có giới, chẳng có nhập<sup>52</sup>, chẳng có chúng sinh, chẳng có nhất ngã, chẳng có nhân quả, chẳng có pháp ba đời. Tuệ tánh khởi vàng sáng, một tia sáng soi sáng, thấy hư không không có tiếp nhận. Tuệ ấy làm phương tiện sinh khởi, trường dưỡng tâm. Tâm ấy đi vào Không không<sup>53</sup>, khởi Trung đạo, phát Vô sinh tâm.”

Trong phẩm Thiên hải minh vương đã nói về mười tâm ở trên và Trăm môn pháp minh<sup>54</sup>.

### [Mười tâm Kim cương:]

Đức Phật Lô xá na dạy: “Này ngàn đức Phật! Trước có nói, chúng tử kim cương có mười tâm.”

“Chư Phật tử! Tín tâm dẫn đầu cho tất cả hành, là căn bản của các công đức. Người có tín tâm thì không khởi các tà kiến của ngoại đạo. Các kiến còn gọi là chấp trước<sup>55</sup>. Các kết<sup>56</sup> tạo nên các nghiệp, [và

---

<sup>52</sup> Năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Mười tám giới: 6 căn, 6 cảnh, 6 thức. Mười hai nhập: 6 căn, 6 cảnh. Tất cả chỉ cho thân tâm và thế giới của thân tâm.

<sup>53</sup> Không không: ngã pháp nhị không.

<sup>54</sup> Bách pháp minh môn: Pháp là chánh pháp, là vô lượng Phật pháp. Minh là ánh sáng, là trí tuệ. Pháp minh là ánh sáng chánh pháp, là thừa tự và gìn giữ vô lượng Phật pháp, lấy ánh sáng tuệ giác để soi sáng cho mình và cho người. Trăm pháp minh môn này là pháp học và pháp hành của bồ tát Sơ địa, được đức Phật Lô xá na chỉ dạy.

<sup>55</sup> Phàm phu chấp hữu; nhị thừa chấp Không; ngoại đạo chấp thường, đoạn, v.v... (có 62 kiến)

chương ngại Thánh đạo]. Bồ tát thì chắc chắn không tiếp nhận các kiến và kết. Bồ tát đi vào trong pháp Không vô vi, thì liễu tri ba tướng: sinh, trú, diệt, đương thể của chúng là vô; vô tướng cũng vô nên sinh tức vô sinh, vô sinh tức sinh, vô trú mà trú, trú tức vô trú, vô diệt mà diệt, diệt tức vô diệt, cho nên không chỉ vô nhất thiết pháp, mà còn vô nhất thiết pháp Không<sup>57</sup>. Trí thế đế và trí đệ nhất nghĩa đế hủy diệt hết cái không dị biệt, cái không đối lập với sắc, cái không của một niệm tâm vi tế<sup>58</sup>, cái không của không một niệm tâm vi tế<sup>59</sup>, nên gọi là tín. Tín tâm đi vào tịch diệt thì không thể tánh, và tướng hòa hợp cũng không có chỗ dựa. Tuy nhiên, chủ giả, ngã nhân vẫn có danh ngôn, vẫn có tác dụng. Ba cõi giả lập có ngã, nhưng ngã ấy không có cái tướng thủ đắc và tập khởi, cho nên gọi là vô tướng tín.”

“Chư Phật tử! Niệm tâm là thường tác ý nhớ nghĩ về sáu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên. Nơi tất cả pháp, Bồ tát tu đệ nhất nghĩa đế, Không, vô trước, vô giải; nơi tướng sinh, trú, diệt không thấy có động, [không thấy không động], không thấy có đến nơi, [không thấy không đến nơi]; nơi các nghiệp đời trước, đời sau, và người thọ nhận quả báo là nhất hợp tướng. Bồ tát luôn

---

<sup>56</sup> Có 9 thứ kết (phiền não): ái, sân, mạn, vô minh, kiến, thủ, nghi, tật và xan. Trong 9 kết, có kết thuộc căn bản phiền não: ái, sân, mạn, vô minh, kiến (thân kiến, biên kiến và tà kiến), thủ (kiến thủ và giới cấm thủ) và nghi; có kết thuộc tùy phiền não: tật và xan.

<sup>57</sup> Không ấy là siêu việt khái niệm, đối đãi, là vô tự tánh, vô ngã tánh, chính là duyên sinh tánh của các pháp.

<sup>58</sup> Chánh văn là tế tâm tâm không.

<sup>59</sup> Chánh văn là tế tâm tâm tâm không.

hồi hướng về cái trí nhập pháp giới, trí tuệ tương ứng ba thừa, ba thừa đồng quy tịch diệt, ánh lửa vô thường, vàng sáng vô sinh, vô sinh chẳng khởi, chuyển đổi Không đạo<sup>60</sup>, biến trước chuyển sau<sup>61</sup>, biến chuyển hóa hóa<sup>62</sup>, hóa chuyển chuyển biến<sup>63</sup>, đồng thời đồng trú<sup>64</sup>, ánh lửa nhất tướng, sinh diệt nhất thời, đã biến sẽ biến hiện biến<sup>65</sup>, hóa cảnh cũng đặc nhất, thọ dụng cũng như vậy.”

“Chư Phật tử! Hồi hướng tâm là đệ nhất nghĩa không. Đối với thật pháp, Bồ tát vận dụng Không trí để chiếu soi thế đế và thật đế. Nghiệp đạo tương tục, nhân duyên, trung đạo, gọi là thật đế. Các pháp giả danh, ngã nhân, chủ giả, gọi là thế đế. Với cả hai đế, sâu xa nhập Không mà không đến đi, huyễn hóa thọ quả mà không tiếp nhận, cho nên thâm tâm đưa đến giải thoát.”

“Chư Phật tử! Đạt chiếu tâm là nhẫn thuận tất cả thật tánh, tánh tánh<sup>66</sup>, không trói buộc, không giải thoát<sup>67</sup>, pháp đạt vô ngại, nghĩa đạt vô ngại, từ đạt vô ngại, giáo hóa đạt vô ngại<sup>68</sup>. Ba đời nhân quả, chúng sinh căn hành toàn là chân như: không hội hợp, không ly tán, không có thật dụng, không có vô dụng, không dụng của danh, không dụng của

---

<sup>60</sup> Chuyển đổi vô minh thành chân trí, chuyển đổi phiền não thành bồ đề, chuyển sinh tử thành niết bàn.

<sup>61</sup> Chuyển diệt tướng vô minh thành bất diệt tướng.

<sup>62</sup> Chuyển trú tướng vô minh thành vô trú tướng.

<sup>63</sup> Chuyển sinh tướng vô minh thành vô sinh tướng.

<sup>64</sup> Bốn tướng sinh, trú, diệt, diệt nương nhau mà có, vì đồng nhất bản thể.

<sup>65</sup> Ba đời sinh diệt pháp.

<sup>66</sup> Tánh tánh là hữu tình và vô tình thì nhất thể không sai biệt, bản lai thanh tịnh.

<sup>67</sup> Không trói buộc là không sinh tử. Không giải thoát là không niết bàn.

<sup>68</sup> Bốn vô ngại trí: pháp vô ngại trí, nghĩa vô ngại trí, từ vô ngại trí, lạc thuyết vô ngại trí.

dụng, nhất thiết Không không, Không chiếu đạt Không, gọi là thông đạt Nhất thiết pháp không. Không thể thủ đắc tướng trạng của Không không và chân như.”

“Chư Phật tử! Trực tâm là trực chiếu tự ngã thủ chấp, năng duyên, nhập Vô sinh trí. Vô minh và tự ngã đều Không. Trong cái Không cũng Không. Theo đạo lý Không không, tâm thức ở trong cái hữu hay ở trong cái vô, thì chủng tử của tuệ giác cũng chẳng hư hoại. Nơi trung đạo vô lậu, nhất tâm quán sát tất cả chúng sinh ở mười phương cần được giáo hóa, làm cho tất cả chúng sinh đều chuyển nhập Tát-bà-nhã<sup>69</sup>, chân tánh Không. Nương chân tánh Không mà tu hành chân thật thì Bồ tát đi vào ba cõi với bao kết phược mà không thọ nhận chúng.”

“Chư Phật tử! Bất thối tâm là không đi vào những lãnh vực của phàm phu, không khởi và tăng thêm các kiến tạp loạn, cũng như không tập khởi nhân tố khổ đau và ý niệm mình người; là dẫn thân vào các nghiệp trong ba cõi để thực hành tánh Không, tâm không thoái chuyển đối với giải thoát. Nơi trung đạo đệ nhất nghĩa đế, tâm hành hợp nhất nên hành không thoái lui, bản tế<sup>70</sup> [với thân tâm] không hai nên niệm không thoái lui. Quán trí Không sinh về chân như nơi các pháp, tương tục không thoái không trú, tâm đi vào Bất nhị, tâm an trú Không sinh. Nhất đạo và nhất tịnh<sup>71</sup> làm sự bất thối cho nhất đạo và nhất chiếu<sup>72</sup>.”

---

<sup>69</sup> Tát-bà-nhã: Phạn ngữ là Sarvajña, dịch nghĩa là Nhất thiết trí, chỉ trí tuệ của bậc giác ngộ viên mãn, vì có thể thấu suốt tất cả mọi sự vật, thấu suốt cả quá khứ, hiện tại và tương lai.

<sup>70</sup> Bản tế: bản thể phổ biến vũ trụ.

<sup>71</sup> Nhất đạo và nhất tịnh: trung quán và không quán. Kế hợp tâm thể, bất nhiễm nhị biên.

“Chư Phật tử! Đại thừa tâm là trí thấu suốt Đệ nhất nghĩa Không. Tất cả hành là pháp giới hành, tất cả tâm là pháp giới tâm, đó gọi là Nhất thừa. Ngồi cỗ xe Nhất thừa Không trí là ngồi cỗ xe trí và cỗ xe hành. Ngồi cỗ xe trí là vận dụng tâm, chuyển tải trí một cách tự nhiên, để hóa độ tất cả chúng sinh vượt qua dòng sông ba cõi, dòng sông kết phược, dòng sông sinh diệt. Ngồi cỗ xe hành là vận dụng trí, chuyển hóa tâm một cách tự nhiên, đi vào trong biển tuệ giác của Phật. Cho nên, những chúng sinh nào chưa được Không trí thì chưa gọi là có Đại thừa tâm, mà chỉ gọi là Thừa tâm, nghĩa là người được đưa qua biển khổ.”

“Chư Phật tử, Vô tướng tâm là trí tuệ ba-la-mật soi chiếu không hai: vọng tưởng và giải thoát, tất cả kết nghiệp và chân như, các pháp ba đời và đệ nhất nghĩa đế; cho nên sự tu hành nơi Vô sinh không, thì tự biết tương lai được thành Phật. Tất cả Phật là đạo sư của ta, tất cả Hiền thánh là bạn đồng học của ta, đều đồng nhất bản thể Vô sinh Không, nên gọi là Vô tướng tâm.”

“Chư Phật tử! Tuệ tâm là quán trí nơi vô lượng pháp giới thì không có nhân tập khởi, không có quả thọ sinh, sống trong phiền não mà không bị trói buộc; quán trí nơi tất cả pháp môn đều là chỗ hành đạo của các bậc Hiền, chỗ quán pháp của các bậc Thánh, bao nhiêu Bồ đề Thánh đạo cũng như vậy. Tất cả pháp trí phương tiện giáo hóa của chư Phật, tôi đều tích tập ở trong tâm. Tất cả luận thuyết, tà định của ngoại đạo, công dụng, huyền hóa, ma thuyết, Phật thuyết, tôi đều phân biệt, đi vào nhị đế

---

<sup>72</sup> Nhất đạo và nhất chiếu: trung quán và giả quán. Lý trí nhất như.

xứ: chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng có ám giới nhập. Đó là ánh sáng của tuệ giác, ánh sáng soi chiếu tự tánh để thể nhập tất cả pháp.”

“Chư Phật tử! Bất hoại tâm là đi vào Thánh địa trí, đến gần Giải thoát vị, có được Đạo chánh môn, soi sáng Bồ đề tâm, Phục nhĩn<sup>73</sup> thuận với Không, tám loại ma<sup>74</sup> không thể phá hoại.<sup>75</sup> Bảy giới, Bồ tát được chúng Thánh xoa đánh, chư Phật khuyến phát, đi vào tam muội Ma đánh (xoa đánh), thân phóng hào quang chiếu khắp mười phương Phật độ, tức là thể nhập thần thông và uy nghi của Phật, ẩn hiện tự tại, chấn động Đại thiên thế giới, cùng với Bình đẳng địa tâm không hai, không khác, tuy nhiên chẳng phải là trung quán tri đạo. Nhờ sức tam muội Ma đánh, trong hào quang, Bồ tát thấy chư Phật nơi vô lượng quốc độ, hiện đang thuyết pháp. Bảy giờ, Bồ tát liền đắc nhập tam muội Đảnh, chứng được Hư không bình đẳng địa và Tổng trì pháp môn, đầy đủ các Thánh hành. Bồ tát tâm tâm hành nơi Không không, Không tuệ nơi trung đạo, vô vi vô tướng, nhất chiếu nhất tịch, tất cả tướng diệt, chứng đắc Kim cương tam muội môn, thể nhập Nhất thiết hành môn.”

Trong kinh Phật Hoa có nói rộng về sự thể nhập Hư không bình đẳng địa.

---

<sup>73</sup> Nhĩn có 5: 1. Phục nhĩn; 2. Tín nhĩn; 3. Thuận nhĩn; 4. Vô sinh nhĩn; 5. Tịch diệt nhĩn. Hành giả sơ tâm muốn nhĩn thuận nghịch cảnh, thì trước phải chế phục tâm mình, gọi là Phục nhĩn. Bồ tát tam hiền (mười trú, mười hành và mười hồi hướng), gọi là Phục nhĩn vị; Bồ tát sơ địa đến địa thứ ba, gọi là Tín nhĩn vị; Bồ tát địa thứ tư đến địa thứ sáu, gọi là Thuận nhĩn vị; Bồ tát địa thứ bảy đến địa thứ chín, gọi là Vô sinh nhĩn vị; Bồ tát địa thứ mười, đẳng giác, diệu giác, gọi là Tịch diệt nhĩn vị.

<sup>74</sup> Bát ma: tám loại ma là ma phiền não, ma năm ấm, ma chết, ma trời Tha hóa tự tại (là những yếu tố não hại tất cả phàm phu) và vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh (là những yếu tố não hại hàng Nhị thừa).

<sup>75</sup> Có sáu yếu tố này gọi là Bất hoại tâm.

**[Mười địa:]**

Đức Phật Lô xá na dạy: “Này ngàn đức Phật! Trước các ông có hỏi, mười địa có nghĩa thú gì?”

“Chư Phật tử! Bồ-đề-tát-đỏa đi vào Thê tánh Bình đẳng tuệ địa, lưu xuất từ pháp chân thật mà giáo hóa chúng sinh bằng tất cả hành, đầy đủ trí Hoa quang, du hành Bốn thiên hạ, hóa độ tự tại, hóa độ khắp cả, đầy đủ thân thông, mười lực, mười hiệu, mười tám pháp bất cộng, trí tuệ của Phật. Vô lượng đại nguyện, biện tài vô úy, tất cả luận<sup>76</sup>, tất cả hành, tôi đều đắc nhập. Bồ tát sinh ra từ nhà Phật, ngồi ở tánh địa Phật, hoàn toàn không nhận tất cả chướng ngại và nhân quả phàm phu, đại lạc hoan hỷ. Từ một Phật độ đi vào vô lượng Phật độ, từ một kiếp đi vào vô lượng kiếp, từ pháp bất khả thuyết làm thành pháp khả thuyết. Bồ tát dùng tuệ soi thấy tất cả pháp, thấy tất cả pháp theo chiều thuận, thấy tất cả pháp theo chiều nghịch<sup>77</sup>, thường đi vào nhị đế mà vẫn ở trong đệ nhất nghĩa đế. Bồ tát lấy một trí [bình đẳng] để biết thứ tự của mười địa, mỗi một sự khai thị cho chúng sinh, nhưng tâm thường an trú trung đạo. Bồ tát lấy một trí [bình đẳng] để biết mười phương Phật độ thù thắng sai biệt và những giáo pháp của chư Phật thuyết, nhưng thân tâm không biến động. Bồ tát lấy một trí [bình đẳng] để biết mười hai nhân duyên, mười chủng tánh ác, mà thường trú đường lành. Bồ tát lấy một trí [bình đẳng] để biết cái thấy không có hai tướng. Bồ tát lấy một trí [bình đẳng]

---

<sup>76</sup> Tất cả luận chỉ cho ngũ minh: thanh minh, công xảo minh, y phương minh, nhân minh, nội minh.

<sup>77</sup> Thấy tất cả pháp theo chiều thuận là thấy các pháp đều không. Thấy tất cả pháp theo chiều nghịch là thấy các pháp đều giả.

để biết sự nhập mười thiên chi, sự hành ba mươi bảy đạo phẩm, mà hóa hiện tất cả sắc thân trong sáu đường. Bồ tát lấy một trí [bình đẳng] để biết mười phương các sắc pháp, từng phần sinh khởi rõ ràng, đi vào sinh tử thọ nhận quả báo hình sắc mà tâm thức không bị ràng buộc, ánh sáng tuệ giác soi chiếu tất cả, vì vậy hiện tiền có được Không tuệ tín nhãn Vô sinh. Từ địa thứ nhất, địa thứ hai, cho đến quả vị Phật, trong khoảng thời gian ấy, Bồ tát một lúc thực hành tất cả pháp môn. Đây là lược nói kho tàng biển cả công đức và hạnh nguyện của pháp môn Bình đẳng địa, sự thể đó như một giọt nước biển trên đầu cọng lông.”

“Chư Phật tử! Bồ-đề-tát-đoà đi vào Thế tánh Thiện tuệ địa, thấu suốt pháp giới thanh tịnh, thành tựu tất cả thiện căn, được gọi là tuệ giác của bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả. Căn bản của tất cả công đức là từ sơ quán nhập Đại không tuệ. Trong Phương tiện đạo trí, Bồ tát thấy khổ đế luôn có mặt trong các chúng sinh có thức tâm. Khi duyên với tất cả khổ não: dao, gậy, v.v... trong ba đường dữ mà sinh khởi nhận biết, gọi là khổ đế. Ba sắc thái khổ, đó là: (1) Cái biết nơi thân: từ dao, gậy, v.v... và cái thân sắc ấm; hai duyên này xúc chạm, sinh ra cái biết Hành khổ duyên<sup>78</sup>. (2) Cái biết nơi ý thức: khi ý thức duyên với đối tượng nhận biết của năm thức thân, nên cảm nhận được khổ đau do trúng dao, gậy, v.v... hay thân có vết thương, sưng bầm, v.v..., gọi là cái biết Khổ khổ duyên. Vì khổ não thêm lên, nên gọi là Khổ khổ. (3) Cái biết nơi thọ hành: hai tâm nơi hành khổ và khổ khổ, tức duyên trên cái thân sắc ấm,

---

<sup>78</sup> Cái biết này chưa phân biệt được khổ, vui, chỉ theo niệm, không có so sánh.

những vết thương đang hủy hoại mà sinh cái biết về khổ, gọi là cái biết Hoại khổ duyên. Như vậy, ba cái biết này theo thứ tự sinh ra ba tâm (hành khổ, khổ khổ, hoại khổ), gọi là Khổ khổ khổ. Nơi tất cả chúng sinh có tâm thức, Bồ tát thấy có ba khổ, làm nhân duyên sinh khởi vô lượng khổ não. Bồ tát phát nguyện: ‘Tôi nguyện ở trong mọi khổ não, đi vào tam muội Giáo hóa đạo, hiện hóa tất cả sắc thân trong sáu đường, chứng mười thứ biện tài, nói ra các pháp môn.’ Đó là tất cả chúng sinh lấy khổ thức làm căn bản, sinh ra khổ duyên. Có đủ cái duyên dao gậy, thì khổ thức hiện hành, những vết thương sưng bầm trên thân bắt đầu hủy hoại. Nội thân và ngoại trần tiếp xúc nhau thì hoặc có đủ duyên, hoặc không có đủ duyên. Có đủ hai duyên thì sinh ra thức phân biệt, thức tạo tác, thức cảm thọ; cái biết của thức khi xúc đối, gọi là Khổ thức. Vì hiện hữu hai duyên (căn và trần) nên tâm tâm duyên sắc, tâm xúc xúc não; thọ nhận phiền độc thì là Khổ khổ. Tâm duyên thức, khởi đầu ở căn môn, nhận biết nơi trần duyên, gọi là Khổ giác. Tâm tạo tác, tâm cảm thọ, khi xúc đối trần cảnh ý thức biết xúc đối nhưng tâm chưa cảm thọ phiền độc thì gọi là Hành khổ. Cảnh duyên bức bách sinh ra cái biết, như quẹt đá ra lửa. Nơi tâm thì niệm niệm sinh diệt, nơi thân thì tán hoại, chuyển biến. Thức đi vào hoại duyên, theo duyên ấy mà tập khởi hay ly tán; tâm khổ tâm não nên lãnh thọ những niệm mà duyên sau bị nhiễm trước, tâm tâm không buông xả được, đó là Hoại khổ. Bồ tát quán tất cả Khổ để nơi ba cõi như thế. Lại quán vô minh tích tập vô lượng tâm, khởi tác tất cả nghiệp tương tục, tương liên. Thói quen tích tập làm nhân, gọi

là Tập đế. Chánh kiến, giải thoát, Không không, trí đạo tâm tâm; vì lấy trí làm đạo nên gọi là Đạo đế. Hết quả báo của chư hữu, hết nguyên nhân của chư hữu, thanh tịnh nhất chiếu, thể tánh diệu trí, là Tịch diệt đế. Tuệ phẩm đầy đủ gọi là căn. Bồ tát vận dụng tất cả tuệ tánh để khởi Không nhập quán, đó là thiện căn ban đầu. Tiếp theo, Bồ tát quán xả tất cả tham trước, v.v... của chư hành, nhập Nhất thiết bình đẳng Không, xả vô duyên mà quán tướng biên tế tánh Không của các pháp, rằng: ‘Tôi quán mười phương tất cả địa độ đều là đất tạo dựng các thân xưa cũ, quán nước trong bốn biển lớn là nước tạo dựng các thân xưa cũ, quán tất cả kiếp hỏa là lửa tạo dựng các thân xưa cũ, quán tất cả phong luân là gió tạo dựng các thân xưa cũ. Tôi nay đi vào trong quốc độ này, pháp thân đầy đủ, xả bỏ các thân xưa cũ, hoàn toàn không thọ nhận cái thân được tạo dựng bằng tứ đại, phần đoạn, bất tịnh. Vì vậy mà Xả phẩm của tôi đầy đủ.’ Sau cùng, Bồ tát quán chiếu tất cả chúng sinh mà mình giáo hóa, trao cho họ cái vui của trời người, ý lạc của mười địa, ý lạc rời xa mười ác, có được ý lạc của tam muội Diệu hoa, cho đến ý lạc của Phật địa. Bồ tát quán nhập như vậy thì phẩm tánh Từ bi đầy đủ. Bây giờ, Bồ tát an trú nơi địa vị không si, không tham, không sân; thể nhập trí Bình đẳng nhất đế, cái trí làm căn bản cho tất cả hành; du hành tất cả thế giới chư Phật, hiện hóa vô lượng pháp thân.”

Phần trên giống như phẩm Nhất thiết chúng sinh Thiên Hoa đã nói.

“Chư Phật tử! Bồ-đề-tát-đoà đi vào Thể tánh Quang minh địa, từ tam muội sinh khởi cái trí thấu rõ mọi sự, biết các pháp môn của tất cả

Phật trong ba đời, qua danh vị cú<sup>79</sup> của mười hai pháp phẩm: trùng tụng, ký biệt, trực ngữ, kệ, bất thỉnh thuyết, luật nghi, thí dụ, Phật giới, tích sự, phương chánh, vị tăng hữu, đàm thuyết<sup>80</sup>; thể tánh của giáo pháp ấy là đệ nhất nghĩa biệt. Trong danh vị cú ấy nói rằng, tất cả pháp hữu vi, trong đó, mỗi tự thể thọ sinh: (1) ban đầu nhập thức thai, (2) tứ đại tăng trưởng, sắc và tâm, gọi là danh sắc, (3) sáu căn khởi lên cái biết chân thật, gọi là sáu trú, (4) cái biết mà chưa phân biệt được khổ vui gọi là xúc thức, (5) cái thức biết khổ vui gọi là ba thọ<sup>81</sup>, (6) liên tục nhận biết và ái chấp các thọ khởi lên không dứt, (7) cho nên có dục thủ, ngã kiến thủ và giới cầm thủ; (8) vì vậy đường lành, đường dữ hiện hữu; (9) tâm thức sinh khởi gọi là sinh, (10) tâm thức diệt mất gọi là tử. Đây là mười phẩm nhân duyên quả khổ hiện tại.<sup>82</sup> Quán trung đạo về hành tướng ấy, Bồ tát nói: ‘Tôi từ lâu đã rời xa hành tướng sinh tử, vì các pháp không có tự thể tánh.’ Bồ tát đi vào tam muội Quang minh, dẫn sinh ra thần thông, tổng trì biện tài, tâm trí hiện hành tánh Không, cho nên ở trong

---

<sup>79</sup> Danh vị cú: nghĩa vị do danh cú tạo thành, cũng gọi là danh cú văn. Danh thân, cú thân và văn thân (danh cú văn) là tổng thuyết (hợp thể) của ý tưởng, chương cú và âm tiết. Trong đó, danh thân chỉ các danh từ như rūpa (sắc), śabda (thanh), v.v.; cú thân, chỉ thành cú hay mệnh đề như anityā bata samskārah (ôi, các hành là vô thường). Văn thân là âm tiết như nguyên âm: a ā i ī; phụ âm: k, c, ṭ, t, p. (trong tiếng Pali).

<sup>80</sup> Mười hai phần giáo, hay 12 loại thể văn và sự lý trong tất cả các kinh: 1. Trùng tụng (Gaya); 2. Thọ ký (Vyakarama); 3. Khế kinh (Sūtra); 4. Phúng tụng (Gāthā); 5. Tự thuyết (Udana); 6. Nhân duyên (Nidāna); 7. Thí dụ (Avadāna); 8. Bốn sự (Itivṛtaka); 9. Bốn sanh (Jātaka); 10. Phương quảng (Vaipulya); 11. Vị tăng hữu (Adbhutadharma); 12. Luận thuyết (Upadisa).

<sup>81</sup> Ba thọ: khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ.

<sup>82</sup> Đây là nói 10 chi duyên khởi: thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, tử. Hai chi vô minh và hành thuộc nhân quá khứ. Hai chi sinh và lão tử thuộc quả vị lai. Tám chi còn lại là nhân quả hiện tại.

mười phương Phật độ, nơi kiếp hiện tại hóa chuyển chúng sinh, hóa chuyển đến trăm kiếp, ngàn kiếp. Trong mỗi quốc độ của Phật, Bồ tát nuôi dưỡng thân thông, lễ kính trước đức Phật, thừa thỉnh, tiếp nhận giáo pháp. Lại nữa, nơi sáu đường, Bồ tát hiện hóa các thân hình, trong một âm thanh thuyết ra vô lượng pháp phẩm, làm cho mỗi chúng sinh được nghe, sinh tâm ưa thích giáo pháp. Đó là âm thanh của đệ nhất nghĩa đế: khô, không, vô thường, vô ngã. Cho dù quốc độ bất đồng, chúng sinh khác biệt thân tâm, Bồ tát cũng hóa độ khắp cả.”

Đây là nói một chút phần về Diệu hoa quang minh địa, nếu hiểu rộng thì xem phẩm Pháp, mục Pháp môn Giải quán, và xem phẩm Thiên tam muội.

“Chư Phật tử! Bồ-đề-tát-đoà an trú trong Thể tánh Nhĩ diễm địa, từ chân đế như thế mà sáng tỏ tục đế, chân tục không hai, không đoạn, không thường, tức sinh, tức trú, tức diệt. Trong một thế giới, một thời gian, một niệm, có vô số sai biệt, hiện hữu, biến dị. Các pháp duyên khởi trung đạo thì chẳng một, chẳng khác, chẳng thiện, chẳng ác, chẳng phàm, chẳng Phật. Cõi Phật và cõi phàm, tất cả đều là giả danh, gọi là thế đế. Bồ tát lấy đạo trí mà quán chiếu, thấu rõ thế đế không một, không khác, đi vào huyền thông trung đạo chánh định phẩm, chỗ gọi là tâm hành của Phật, là những giác chi làm nhân tố khởi đầu cho chánh định: tín giác, tư giác, tịnh giác (thiền định), thượng giác (tinh tiến), niệm giác, tuệ giác, quán giác, ý giác (khinh an), lạc giác và xả giác; mười giác chi đây là phẩm loại của phương tiện đạo, là tâm hành để nhập định

quả. Bồ tát trú trong định, phát sinh tuệ quang soi chiếu tướng Không của các pháp. Nếu khởi niệm nhập định thì nhập cái định Tâm không, sinh tâm ái thuận Thánh đạo, từ đạo pháp hóa sinh, gọi là pháp lạc nhãn, trú nhãn, chứng nhãn, tịch diệt nhãn. Cho nên chư Phật nhập vào tam muội Quang quang hoa, hiện vô lượng Phật, dùng tay xoa đánh chư Bồ tát, thuyết pháp bằng một âm thanh, khởi phát trăm ngàn giáo pháp mà không xuất định. Trú định, vị lạc định, trước định, tham định; trong một kiếp, ngàn kiếp, trú định. Thấy đức Phật ngồi tòa liên hoa, thuyết một trăm pháp minh môn; Bồ tát cúng dường, nghe pháp, một kiếp trú định. Khi đó, trong ánh sáng, được chư Phật xoa đánh, Bồ tát phát khởi định phẩm, xuất tướng, tiến tướng, khứ hướng tướng, cho nên không mất định, không thoái định, không đọa lạc, an trú nơi pháp tánh của tam muội Đánh, có được lạc nhãn ở trên, phiền não dứt hết không sót. Bồ tát liền đi vào tất cả Phật độ, tu trì vô lượng phẩm hạnh công đức. Bồ tát thực hành trong ánh sáng tuệ giác, thể nhập thiện quyền phương tiện, giáo hóa tất cả chúng sinh, làm cho chúng sinh thấy được thể tánh thường, lạc, ngã, tịnh của chư Phật. Bồ tát sống và trú trong thể tánh địa như vậy mà hành hóa các pháp môn, dần dần thâm nhập thể tánh trung đạo của Diệu hoa quán trí, đầy đủ tất cả pháp môn phẩm, giống như trăm ngàn tam muội Kim cương.”

Trong phẩm Minh nguyệt đạo ở trên, đã nói rõ nghĩa lý ấy.

“Chư Phật tử! Bồ-đề-tát-đoà an trú trong Thể tánh Tuệ chiếu địa, pháp sở chứng có mười thứ lực sinh phẩm, khởi tất cả công đức hành,

tức đem nhất tuệ phương tiện để biết: (1) Biệt hành của hai nghiệp thiện ác, tức Xứ lực phẩm; (2) Những nghiệp thiện tác, ác tác, tức Trí lực phẩm; (3) Tất cả những mong cầu quả dị thực trong sáu đường, tức Dục lực phẩm; (4) Tánh phân biệt bất đồng trong sáu đường, tức Tánh lực phẩm; (5) Tất cả thiện căn, ác căn, mỗi một bất đồng, tức Căn lực phẩm; (6) Tà định tụ, chánh định tụ và bất định tụ, tức Định lực phẩm; (7) Tất cả nhân quả, vừa làm nhân, vừa làm quả, cho đến đạo phẩm làm nhân cho quả xứ, tức Đạo lực phẩm; (8) Con mắt biết tất cả pháp, thấy tất cả thọ sinh, tức Thiên nhãn lực phẩm; (9) Biết hết thấy sự trong trăm kiếp, tức Túc thế lực phẩm; (10) Nơi tất cả sinh, phiền não diệt, nơi tất cả thọ, vô minh diệt, tức Giải thoát lực phẩm. Đó là Thập lực phẩm trí. Bồ tát biết nhân quả của sự tự tu hành, cũng biết nhân quả sai biệt của tất cả chúng sinh, nên thân, khẩu, ý có sự biệt dụng. Bồ tát lấy tịnh quốc độ làm ác quốc độ, lấy ác quốc độ làm diệu lạc độ, có thể chuyển thiện tác ác, chuyển ác tác thiện, sắc làm phi sắc, phi sắc làm sắc, lấy nam làm nữ, lấy nữ làm nam, lấy lục đạo làm phi lục đạo, phi lục đạo làm lục đạo, cho đến địa thủy hỏa phong làm phi địa thủy hỏa phong. Bây giờ, bồ tát lấy đại phương tiện lực, nơi tất cả chúng sinh mà thấy được sự bất khả tư nghị, nơi mỗi bước chân ở hạ địa không có việc gì bồ tát không hay biết. Đại minh trí của bồ tát ấy dần dần tiến tới Phần phần trí, ánh sáng vô lượng vô lượng, pháp môn bất khả thuyết bất khả thuyết được thực hành ngay trong hiện tại.”

“Chư Phật tử! Bồ-đề-tát-đỏa an trú trong Thế tánh Hoa quang địa, thường ở trong tất cả thế giới, sử dụng mười thần thông minh trí phẩm, qua các loại biến hóa để chỉ dạy tất cả chúng sinh. (1) Bồ tát dùng trí Thiên nhãn minh, biết trong các quốc độ ba đời, tất cả sắc như vi trần, v.v..., từng phần của chúng tạo dựng các thân của chúng sinh trong sáu đường, mỗi thân là tổ hợp của những vi trần, tế sắc tạo thành đại sắc. (2) Bồ tát dùng trí Thiên nhĩ minh, biết âm thanh khổ vui của chúng sinh sáu đường, trong ba đời và mười phương, biết phi phi âm, biết phi phi thanh, biết tất cả âm thanh của giáo pháp. (3) Bồ tát dùng trí Thiên thân minh, biết tất cả sắc, sắc và phi sắc, biết những thân hình phi nam phi nữ, ở trong một niệm hiện hóa số thân nhiều như vi trần nơi các vô số quốc độ lớn nhỏ trong mười phương ba đời. (4) Bồ tát dùng trí Thiên tha tâm, biết được tâm hành của chúng sinh ba đời, biết những tâm niệm, mong cầu khổ vui, việc thiện ác, v.v... của tất cả chúng sinh trong sáu đường mười phương. (5) Bồ tát dùng trí Thiên nhân, biết sự khổ vui, thọ mạng và đời trước của tất cả chúng sinh trong các quốc độ mười phương ba đời, biết đời sống của một chúng sinh trong một trăm kiếp. (6) Bồ tát dùng trí Thiên giải thoát, biết sự giải thoát của chúng sinh mười phương ba đời, biết sự đoạn trừ tất cả phiền não nhiều ít như thế nào, biết tùy miên diệt tận ở địa thứ nhất cho đến địa thứ mười. (7) Bồ tát dùng trí Thiên định tâm, biết tâm chúng sinh trong các quốc độ mười phương ba đời, là định, bất định, phi định, phi bất định, biết phương pháp khởi định, biết cả trăm tam muội, và biết tam muội nào chúng sinh có thể nhiếp thọ.

(8) Bồ tát dùng trí Thiên giác, biết tất cả chúng sinh đã thành Phật, chưa thành Phật, cho đến tâm niệm của tất cả chúng sinh trong sáu đường, cũng biết giáo pháp tâm địa của mười phương chư Phật. (9) Bồ tát dùng trí Thiên niệm, biết trăm kiếp, ngàn kiếp, đại kiếp, tiểu kiếp, biết tất cả chúng sinh thọ mạng dài ngắn. (10) Bồ tát dùng trí Thiên nguyện, biết tất cả chúng sinh, Hiền thánh ở mười địa, trong ba mươi tâm<sup>83</sup>, mỗi một hạnh nguyện, hoặc cầu khổ vui, hoặc pháp phi pháp, tất cả mong cầu, mười nguyện<sup>84</sup>, trăm ngàn đại nguyện phẩm thấy đều đầy đủ. Bồ tát ấy an trú trong Thể tánh Quang hoa địa, vận dụng mười thần thông minh, hiện vô lượng thân tâm khẩu với những ứng dụng sai biệt, thuyết giảng về công đức ở các địa không thể cùng tận trong trăm ngàn muôn kiếp.”

Như vậy, đức Phật Thích Ca đã lược khai phẩm Thần thông minh, cũng như trong phẩm Quán mười hai nhân duyên có đề cập.

“Chư Phật tử! Bồ-đề-tát-đoà an trú trong Thể tánh Mãn túc địa, đi vào trong pháp tánh ấy có mười tám trí phẩm của bậc Thánh<sup>85</sup> mà Bồ tát ở hạ địa không có, đó là: (1) Thân không làm lỗi; (2) Miệng không làm

---

<sup>83</sup> Ba mươi tâm: 10 tâm phát thú, 10 tâm trường dưỡng và 10 tâm kim cương.

<sup>84</sup> Mười nguyện của Bồ tát Phổ Hiền.

<sup>85</sup> Chỉ cho 18 pháp bất cộng: 1. Thân không làm lỗi; 2. Miệng không làm lỗi; 3. Ý không làm lỗi; 4. Không có ý tưởng riêng khác; 5. Không lúc nào tâm không trú định; 6. Không có sự không biết mà đã xả; 7. Nguyện dục không giảm; 8. Tinh tiến không giảm; 9. Niệm không giảm; 10. Tuệ không giảm; 11. Giải thoát không giảm; 12. Giải thoát trí kiến không giảm; 13. Trí biết đời quá khứ không vướng mắc, không chướng ngại; 14. Trí biết đời vị lai không vướng mắc, không chướng ngại; 15. Trí biết đời hiện tại không vướng mắc, không chướng ngại; 16. Thân nghiệp hành động theo trí tuệ; 17. Khẩu nghiệp hành động theo trí tuệ; 18. Ý nghiệp hành động theo trí tuệ.

lỗi; (3) Niệm không làm lỗi; (4) Rời xa tám pháp<sup>86</sup>; (5) Xả bỏ tất cả pháp; (6) Thường an trú tam muội. Bồ tát nhập địa thì đầy đủ sáu phẩm trí như vậy. Lại từ sáu trí ấy sinh ra sáu Cụ túc trí, đó là: (1) Hoàn toàn không thọ nhận kết tập của ba cõi, cho nên Dục cụ túc; (2) Tất cả công đức, tất cả pháp môn mà mình mong cầu thì đầy đủ, cho nên Tiên tâm cụ túc; (3) Đối với tất cả pháp sự, tất cả kiếp sự, tất cả chúng sinh sự<sup>87</sup>, thì biết hết khắp cả chỉ trong một niệm, cho nên Niệm tâm cụ túc; (4) Biết hai đế tướng chân tục là tất cả pháp Không và sáu đường chúng sinh, cho nên Trí tuệ cụ túc; (5) Biết hàng Bồ tát mười phát thú cho đến tất cả đức Phật, không có kết, không có tập, cho nên Giải thoát cụ túc. Đối với tất cả chúng sinh, thì biết phân biệt mình người, đệ tử, sư trưởng, v.v... mà không có lậu hoặc, không có các phiền não, cho nên Lấy trí biết tha thân để đầy đủ sự giải thoát. Bồ tát thể nhập sáu minh trí cụ túc liền khởi thêm các trí, đó là: (1) Theo tâm hành của chúng sinh trong sáu đường, mà thân hiện hóa tất cả thân chúng sinh, miệng biện thuyết vô lượng pháp môn phẩm; (2) Theo tâm hành của chúng sinh, Bồ tát thường đi vào tam muội, mà hiện chân động mười phương đại địa, hóa hoa quang nơi hư không, làm cho tâm hành của chúng sinh đi vào được Đại minh trí cụ túc; (3) Thấy chư Phật xuất thế trong tất cả kiếp ở thời quá khứ, cũng như chỉ dạy tất cả chúng sinh tâm; (4) Đem cái trí vô trước để thấy tất cả đức Phật trong tất cả quốc độ mười phương hiện tại, và thấy những sở hành trong từng ý nghĩ của tất cả chúng sinh; (5) Đem cái trí thần

---

<sup>86</sup> Tám pháp: thường, lạc, ngã, tịnh, vô thường, khổ, không, bất tịnh.

<sup>87</sup> Pháp sự là các pháp. Kiếp sự là thời gian. Chúng sinh sự là sáu đường chúng sinh.

thông để thấy chư Phật xuất thế trong tất cả kiếp ở thời vị lai; (6) Thấy tất cả chúng sinh từ chư Phật tiếp nhận và lắng nghe đạo pháp. Bồ tát chứng nhập và an trú trong mười tám phẩm trí của bậc Thánh thì tâm trí luôn ở trong tam muội, quán chiếu các thân sắc nhiều như vi trần của ba cõi là các thân đời trước của mình, tất cả chúng sinh là cha mẹ mình, làm cho họ đi vào các địa, để có được tất cả công đức, tất cả thần quang, tất cả pháp sở hành của chư Phật, cho đến tất cả pháp môn phẩm ở địa thứ tám và địa thứ chín. Bồ tát đã thể nhập các địa, cho nên ở trong tất cả quốc độ của chư Phật, Bồ tát thị hiện làm Phật, thành đạo, chuyên pháp luân, thị nhập diệt độ, chuyển hóa tha phương nơi ba thời gian, thường đi vào các quốc độ của Phật nhiều như vô số vi trần.”

“Chư Phật tử! Bồ-đề-tát-đoà an trú trong Thể tánh Phật hồng địa, đi vào tam muội Pháp vương vị. Trí tuệ của Bồ tát ấy như trí tuệ của Phật, nên gọi là tam muội Phật hồng. Bồ tát đi vào trí Thập phẩm đại minh, định môn Tịch diệt thường hiện hữu trước mặt, tam muội thể nhập tâm tánh là Hoa quang âm. Không tuệ của Bồ tát ấy là tuệ môn nội không, tuệ môn ngoại không, tuệ môn hữu vi không, tuệ môn vô vi không, tuệ môn tánh không, tuệ môn vô thủy không, tuệ môn đệ nhất nghĩa không, tuệ môn không không, tuệ môn không không phục không, tuệ môn không không phục không không. Như vậy là mười không môn mà Bồ tát ở hạ địa không biết đến. Bồ tát ở địa này thể nhập hư không bình đẳng tánh, có được đạo trí và thần thông không thể nghĩ bàn. Bồ tát dùng một niệm trí biết tất cả pháp từng phần sai biệt, đi vào trong vô

lượng quốc độ của chư Phật, học hỏi giáo pháp với mỗi đức Phật, rồi chuyển vận giáo pháp ấy hóa độ tất cả chúng sinh, trao cho chúng sinh tất cả pháp lạc. Bồ tát ấy là đại pháp sư, là đại đạo sư, phá hủy bốn loại ma quân<sup>88</sup>, pháp thân biến hóa đi vào các cảnh giới Phật. Ở nơi chư Phật và nơi các Bồ tát ở địa thứ chín và thứ mười, Bồ tát ấy trưởng dưỡng pháp thân, có được trăm ngàn đà-la-ni môn, trăm ngàn tam muội môn, trăm ngàn kim cương môn, trăm ngàn thần thông môn, trăm ngàn giải thoát môn. Như vậy, ở trong trăm ngàn Hư không bình đẳng môn, Bồ tát ấy được sự đại tự tại, thực hành trong một niệm, một thời gian. Bồ tát ấy nhận biết: kiếp thuyết phi kiếp, phi kiếp thuyết kiếp, phi đạo thuyết đạo, đạo thuyết phi đạo, phi lục đạo chúng sinh thuyết lục đạo chúng sinh, lục đạo chúng sinh thuyết phi lục đạo chúng sinh, phi Phật thuyết Phật, Phật thuyết phi Phật, cho nên nhập xuất tam muội Thể tánh chư Phật, bằng sự quán chiếu tự tánh, quán chiếu thuận nghịch mười hai duyên khởi, quán chiếu đời trước và đời sau, quán chiếu nhân và quả, quán chiếu không và có, quán chiếu đệ nhất trung đạo nghĩa đế. Trí quán chiếu ấy là sở chứng của Bồ tát địa thứ tám, mà Bồ tát ở hạ địa không thể có được. Bất động bất đảo, bất xuất bất nhập, bất sinh bất diệt, chính là pháp môn phẩm của địa này. Pháp môn của địa này thì có vô lượng vô số, bất khả thuyết bất khả thuyết, nay chỉ trình bày sơ lược một chút phần trong trăm ngàn phần.”

Trong phẩm La hán cũng đã nói rõ.

---

<sup>88</sup> Bốn loại ma quân: ngũ ấm ma, phiền não ma, tử ma và thiên ma.

“Chư Phật tử! Bồ-đề-tát-đỏa an trú trong Thử tánh Phật Hoa nghiêm địa, vận dụng uy nghi của Phật, tự tại xuất nhập tam muội Như lai, vua của các loại định. Khắp mười phương, trong các thế giới Tam thiên với trăm ức nhật nguyệt, trăm ức tứ thiên hạ, Bồ tát nhất thời thành Phật, chuyển pháp luân cho đến diệt độ<sup>89</sup>. Trong cái Tâm duy nhất [và đồng nhất], Bồ tát làm tất cả Phật sự, trong một thời gian nhất định, thị hiện cho tất cả chúng sinh thấy được cái thân tám mươi vẻ đẹp và ba mươi hai tướng tốt, thị hiện sự an lạc tự tại đồng như hư không. Bồ tát trang nghiêm bằng vô lượng đại bi, quang minh tướng hảo, mà chư thiên, nhân loại và chúng sinh sáu đường không thể có được. Bồ tát vận dụng mọi phương pháp trong sự hóa độ sáu đường chúng sinh: hiện vô lượng thân, vô lượng khẩu, vô lượng ý; thuyết vô lượng pháp môn, để chuyển ma giới vào Phật giới, Phật giới vào ma giới, lại chuyển tất cả kiến vào Phật tri kiến, Phật tri kiến vào tất cả kiến, Phật tánh vào chúng sinh tánh, chúng sinh tánh vào Phật tánh. Ánh sáng tuệ giác của Bồ tát ở địa này soi chiếu rực rỡ, biểu hiện bằng bốn đức vô úy, bốn tâm vô lượng, mười lục, mười tám pháp bất cộng, tám giải thoát, niết bàn vô vi, nhất đạo thanh tịnh. Bồ tát vì hóa độ chúng sinh mà hiện làm cha mẹ, anh em, thuyết pháp cho họ, dẫn dắt họ trong vô số kiếp cho đến khi thành đạo quả. Lại hiện hóa trong tất cả quốc độ, xem tất cả chúng sinh như cha mẹ, xem thiên ma ngoại đạo như cha mẹ. Bồ tát an trú trong địa

---

<sup>89</sup> Bồ tát thị hiện 8 tướng thành đạo: giáng thân, nhập thai, trú thai, xuất thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập niết bàn, để khiến chúng sinh đều tín lạc và thanh tịnh.

này, khởi đi từ biên tế sinh tử cho đến biên tế Kim cương, đem một niệm tâm mà hiện các sự việc như vậy, có khả năng chuyển nhập vô lượng chúng sinh giới. Có vô lượng sự hiện hóa của Bồ tát, những sự được nói ra chỉ như giọt nước biển.”

“Chư Phật tử! Bồ-đề-tát-đoà an trú trong Thể tánh Phật giới địa, chứng nhập đại tuệ về cái Không tuyệt đối<sup>90</sup>. Trí tuệ bình đẳng như tánh hư không thì có đầy đủ mười phẩm tánh công đức của Như lai: (1) Không đồng nhất tướng, thể tánh vô vi, thần hư thể nhất, pháp đồng pháp tánh, nên gọi là Như ai. (2) Ứng thuận tứ đế và nhị đế, tận cùng biên tế sinh tử luân chuyển, pháp nuôi lớn pháp thân không hai, gọi là Ứng cúng. (3) Biết hết mọi sự trên mọi thế giới, biết tất cả pháp hữu vi, biết căn tánh tất cả chúng sinh bằng chánh trí và chánh giải thoát trí, đó là Chánh biến tri. (4) Trí tuệ sáng suốt, tu hành phước đức thì cụ túc quả Phật, gọi là Minh hạnh túc. (5) Khéo đi vào pháp của chư Phật trong ba đời, giáo pháp của Phật trước và Phật sau, thời quá khứ thiện thiện, thời vị lai thiện thiện, gọi là Thiện thế. (6) Bồ tát thực hiện công đức cao tốt, đi vào trong thế gian để giáo hóa chúng sinh, làm cho chúng sinh giải thoát tất cả kết phược, gọi là Thế gian giải thoát. (7) Bồ tát ở trên tất cả pháp, thể nhập uy thần của Phật, hình nghi như Phật, hành xứ của bậc đại sĩ, làm bậc giải thoát thế gian, gọi là Vô thượng sĩ. (8) Điều thuận tất

---

<sup>90</sup> Chánh văn là “Không không phục không không phục không”. Mười tuệ môn: tuệ môn nội không, tuệ môn ngoại không, tuệ môn hữu vi không, tuệ môn vô vi không, tuệ môn tánh không, tuệ môn vô thủy không, tuệ môn đệ nhất nghĩa không, tuệ môn không không, tuệ môn không không phục không, tuệ môn không không phục không không.

cả chúng sinh, gọi là Trượng phu. (9) Ở trong chư thiên và nhân loại mà giáo hóa tất cả chúng sinh, trao truyền pháp ngữ, gọi là Thiên nhân sư. (10) Bạc diệu bản không hai, Phật tánh huyền giác, thường trú đại mãn, nên tất cả chúng sinh tôn kính và lễ lạy, gọi là Phật Thế Tôn. Tất cả người đời đều tin nhận và vâng làm, đó là Phật địa. Phật địa ấy là nơi mà tất cả Thánh nhân đi vào, gọi là Phật giới địa.”

“Bấy giờ, đức Phật Lô xá na đang ngồi trên tòa hoa sen trăm báu, thọ ký cho chư vị Bồ tát khiến ai cũng sinh tâm hoan hỷ. Đức Phật pháp thân dùng tay xoa đánh của chư vị Bồ tát. Chư vị Bồ tát đồng kiến đồng học, khác miệng chung lời, ngợi khen sự Vô nhị. Lại nữa, trong trăm ngàn ức thế giới, có tất cả Phật, tất cả Bồ tát, nhất thời vân tập, thỉnh chuyển pháp luân bất khả thuyết, là pháp môn hóa đạo Hư không tạng. Phật địa có những pháp môn mà phẩm tánh kỳ diệu bất khả thuyết, như là tam minh, tam muội môn, đà-la-ni môn, chẳng phải tâm thức ở hạ địa và phàm phu có thể biết được, chỉ có thân, khẩu, tâm ý của vô lượng chư Phật mới có thể biết hết căn nguyên.”

Như trong phẩm Quang âm thiên cũng nói về mười vô úy<sup>91</sup> và đường đi của Phật.

---

<sup>91</sup> Kinh Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm, quyển 39: “Chư Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười vô úy:

(1) Đại Bồ Tát đều hay văn trì tất cả ngôn thuyết nghĩ rằng: giả sử có vô lượng vô biên chúng sanh từ mười phương đến đem trăm ngàn đại pháp để hỏi tôi. Nơi tất cả câu hỏi của họ, tôi không thấy có chút gì khó đáp cả. Vì không thấy khó nên tâm được vô úy, rất ráo đến bị ngàn đại vô úy. Tùy theo chỗ họ hỏi đều có thể giải đáp quyết đoán trừ sự nghi hoặc cho họ không hề khiếp sợ. Đây là vô úy thứ nhất của đại Bồ Tát.

---

(2) Đại Bồ Tát được Như Lai quán đánh vô ngại biện tài đến nơi bỉ ngạn rất ráo tất cả văn tự ngôn âm khai thị bí mật. Nghĩ rằng: giả sử có vô lượng vô biên chúng sanh từ mười phương đến, đem vô lượng pháp hỏi tôi. Nơi tất cả lời hỏi của họ, tôi không thấy có chút gì là khó đáp cả. Vì không thấy khó nên tâm được vô úy, rất ráo đến nơi bỉ ngạn đại vô úy. Tùy chỗ hỏi của họ đều có thể giải đáp dứt nghi hoặc không kinh sợ. Đây là môn vô úy thứ hai của đại Bồ Tát.

(3) Đại Bồ Tát biết tất cả pháp là không, lia ngã, lia ngã sở, không tạo tác, không tác giả, không tri giả, không mạng giả, không dưỡng dục giả, không bổ đặc giả la. Rời uẩn, xứ, giới. Thoát hẳn các kiến chấp. Tâm như hư không. Nghĩ rằng : chẳng thấy chúng sanh có chút tướng tổn não được thân ngữ ý của tôi. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát đã rời ngã và ngã sở, nên chẳng thấy các pháp có chút tánh tướng. Vì chẳng thấy nên tâm được vô úy, rất ráo đến bỉ ngạn đại vô úy, kiên cố vững mạnh chẳng ai trở hoại được. Đây là môn vô úy thứ ba của đại Bồ Tát.

(4) Đại Bồ Tát được Phật lực gia hộ, Phật lực nhiếp trì, trụ tại oai nghi của Phật, việc làm chơn thiết không biến đổi. Nghĩ rằng: tôi chẳng thấy có chút phần oai nghi làm cho chúng sanh móng lòng quả trách. Vì chẳng thấy nên tâm được vô úy, ở trong đại chúng an ổn thuyết pháp. Đây là môn vô úy thứ tư của đại Bồ Tát.

(5) Đại Bồ Tát, thân khẩu ý đều thanh tịnh, sạch trắng nhu hòa, xa lìa những điều ác. Nghĩ rằng: tôi chẳng thấy thân khẩu ý ba nghiệp có chút phần đáng quả trách. Vì chẳng thấy nên tâm được vô úy, có thể làm cho chúng sanh an trụ nơi Phật pháp. Đây là môn vô úy thứ năm của đại Bồ Tát.

(6) Đại Bồ Tát thường được Kim Cang lực sĩ, Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Đế Thích, Phạm Vương, Tứ Thiên Vương v.v... theo hộ vệ. Tất cả Như Lai luôn hộ niệm chẳng rời. Đại Bồ Tát nghĩ rằng tôi chẳng thấy có chúng ma ngoại đạo kẻ tà kiến nào có thể đến làm chướng ngại hạnh Bồ Tát của tôi. Vì chẳng thấy nên tâm được vô úy rất ráo đến bỉ ngạn đại vô úy, phát tâm hoan hỷ thật hành hạnh Bồ Tát. Đây là môn vô úy thứ sáu của đại Bồ Tát.

(7) Đại Bồ Tát đã được thành tựu niệm căn đệ nhất tâm không quên mất, được Phật hứa khả. Nghĩ rằng: Đức Như Lai nói văn tự cú pháp thành đạo Bồ đề. Trong đó tôi chẳng thấy có chút phần quên mất. Vì chẳng thấy nên tâm được vô úy, thọ trì tất cả chánh pháp của Như Lai, thật hành Bồ Tát hạnh. Đây là môn vô úy thứ bảy của đại Bồ Tát.

(8) Đại Bồ Tát trí huệ phương tiện đều đã thông đạt, Bồ Tát chư lực đều đã rất ráo, thường xuyên giáo hóa tất cả chúng sanh. Vì bi mẫn chúng sanh nên luôn dùng nguyện tâm khẩn chặt nơi Phật Bồ đề. Vì thành tựu chúng sanh nên ở nơi đời phiền não trước thị hiện thọ sanh, dòng họ tôn quý, quyến thuộc viên mãn, chỗ mong muốn tùy tâm được toại nguyện, hoan hỷ vui sướng. Nghĩ rằng: tôi đầu cùng quyến thuộc này tụ hội mà chẳng có một chút gì đáng tham luyến để bỏ phước việc tu hành thiền định, giải thoát và các môn tam muội, tổng trì, biện tài, đạo pháp Bồ Tát. Tại sao vậy? Vì đại Bồ Tát ở nơi tất cả pháp đã được tự tại đến bỉ ngạn, tu hạnh Bồ Tát thề chẳng đoạn tuyệt. Chẳng thấy thế gian có một cảnh giới nào làm mê loạn được Bồ Tát đạo. Vì chẳng thấy nên tâm được vô úy rất ráo đến nơi bỉ ngạn đại vô úy. Dùng đại nguyện lực nơi tất cả thế giới thị hiện thọ sanh. Đây là môn vô úy thứ tám của đại Bồ Tát.

## Khởi dịch 24/12/2016 đến 12/3/2017

---

(9) Đại Bồ Tát luôn chẳng quên mất tâm Nhứt thiết trí, ngự nơi Đại thừa, thật hành hạnh Bồ Tát. Dùng thế lực của đại tâm nhứt thiết trí, thị hiện tất cả oai nghi tịch tịnh của Thanh Văn, Độc Giác. Nghĩ rằng: tôi chẳng tự thấy sẽ ở nơi nhị thừa mà lấy chút phần xuất ly. Vì chẳng thấy nên tâm được vô úy đến nơi bỉ ngạn vô thượng đại vô úy. Có thể khắp thị hiện đạo nhứt thiết thừa, rốt ráo đầy đủ bình đẳng Đại thừa. Đây là môn vô úy thứ chín của đại Bồ Tát.

(10) Đại Bồ Tát thành tựu tất cả pháp bạch tịnh, đầy đủ thiện căn, viên mãn thần thông, rốt ráo an trụ nơi Phật Bồ đề, đầy đủ tất cả hạnh Bồ Tát. Ở chỗ chư Phật thọ ký nhứt thiết trí quán đảnh, mà thường khuyến hóa chúng sanh thật hành Bồ Tát đạo. Nghĩ rằng: tôi chẳng tự thấy có một chúng sanh đáng được thành thực, mà chẳng thể thị hiện Phật tự tại để thành thực. Vì chẳng thấy nên tâm được vô úy, rốt ráo đến nơi bỉ ngạn đại vô úy, chẳng dứt Bồ Tát hạnh, chẳng bỏ Bồ Tát nguyện. Tùy tất cả chúng sanh đáng được giáo hóa, hiện Phật cảnh giới để giáo hóa họ. Đây là môn vô úy thứ mười của đại Bồ Tát.

Nếu chư Bồ Tát an trụ pháp này thời được đại úy vô thượng của chư Phật, nhưng cũng chẳng bỏ vô úy của Bồ Tát.” (No. 278, 649c16~650b24, H.T Thích Trí Tịnh dịch)